# ĐẶT VẤN ĐỀ

**1. Sự cần thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất**

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư­, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Tài nguyên đất thì có hạn không tái tạo lại được trong đó dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bố sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, trong sự phát triển hài hoà, cân đối của từng địa phương và của đất nước theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để Nhà nước quản lý thống nhất toàn bộ đất đai theo hiến pháp và pháp luật, đảm bảo đất đai được sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao nhất. Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Khoản 4 quy định "Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai" và tại Điều 45 Khoản 3 quy định "Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện".

Để cụ thể hóa quy hoạch, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm có vai trò rất quan trọng, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm là một nội dung mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Thao tổ chức triển khai lập ***“Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Lâm Thao - tỉnh Phú Thọ”.***

**2. Cơ sở của công tác lập kế hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao**

**2.1. Căn cứ pháp lý của công tác kế hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao**

+ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

+ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủQuy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

+ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

+ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

+ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

+ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Phú Thọ;

+ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

+ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

+ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015, Nghị quyết số 07/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015, Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/10/2016, Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/07/2017, Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 héc ta, đất rừng phòng hộ dưới 20 héc ta trên địa bàn tỉnh;

+ Nghị quyết số 12/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

+ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

+ Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành bộ đơn giá đo đạc lập BĐĐC; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhầ ở và tài sản gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

+ Thực hiện Văn bản số 4501/UBND-KTN ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện.

2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

+ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2006 - 2020.

+ Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015).

+ Quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015).

+ Báo cáo chính trị của Đảng bộ huyện Lâm Thao nhiệm kỳ 2015 - 2020.

+ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Lâm Thao đến năm 2020.

+ Niên giám thống kê huyện Lâm Thao năm 2016.

+ Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2016 huyện Lâm Thao;

+ Bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã.

+ Bản đồ quy hoạch xây dựng chi tiết thị trấn Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn.

+ Số liệu thống kê đất đai năm 2016.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao đến năm 2020.

# I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

## 1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

### *1.1.1. Điều kiện tự nhiên*

*\* Vị trí địa lý*

Huyện Lâm Thao nằm trong vùng đồng bằng và trung du của tỉnh Phú Thọ, có tổng diện tích tự nhiên là 9.835,46 ha, nằm trong khoảng toạ độ địa lý 21014'30" đến 21024'30" vĩ độ Bắc và 105 014'15" đến 105022'00" kinh độ Đông.

Vị trí tiếp giáp của huyện với các vùng lân cận được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Phù Ninh và Thị xã Phú Thọ;

- Phía Đông giáp thành phố Việt Trì và thành phố Hà Nội;

- Phía Nam giáp huyện Tam Nông;

- Phía Tây giáp huyện Tam Nông.

*\* Địa hình*

Lâm thao có địa hình tương đối đa dạng tiêu biểu của một vùng bán sơn địa: Có đồi, đồng ruộng của một số xã phía Bắc và cánh đồng rộng có địa hình khá bằng phẳng ở một số xã phía Nam. Nhìn chung, Lâm Thao có địa hình thấp, độ cao trung bình 30,0 - 40,0 m so với mặt nước biển; địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông.

*\* Khí hậu*

Huyện Lâm Thao chịu ảnh hưởng của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm. Đặc điểm chính về khí hậu thời tiết của huyện như sau:

- Nhiệt độ bình quân cả năm 230C. Tổng tích ôn đạt trên 8.5000C.

- Lượng mưa bình quân hằng năm 1.720 mm.

- Lượng bốc hơi bình quân 1.284 mm/năm.

- Độ ẩm không khí bình quân cả năm khoảng 85%.

- Gió: Hướng gió chủ đạo mùa hè là hướng Đông và hướng Đông Nam, mùa đông là hướng Đông Bắc; tốc độ gió trung bình là 1,6m/s.

*\* Thủy văn*

Chế độ thuỷ văn của các sông, ngòi ở Lâm Thao phụ thuộc chủ yếu vào chế độ thủy văn của sông Hồng.

### *1.1.2. Các nguồn tài nguyên*

*\* Tài nguyên đất*

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Lâm Thao là 9.835,46 ha, trong đó diện tích đã được điều tra lập bản đồ thổ nhưỡng là 7.692,00 ha, chiếm 78,21% tổng diện tích tự nhiên. Đất đai trên địa bàn huyện được chia thành hai nhóm có nguồn gốc phát sinh khác nhau:

- Nhóm đất đồng bằng, thung lũng:Với diện tích 7.158,0 ha, chiếm 93,06% tổng diện tích điều tra và chiếm 73,27% diện tích tự nhiên.

- Nhóm đất gò đồi*:* Có diện tích khoảng 534,0 ha, chiếm 6,94% diện tích điều tra, chiếm 5,47% diện tích tự nhiên.

*\* Tài nguyên nước*

Tài nguyên nước của huyện Lâm Thao được cung cấp chủ yếu bởi 3 nguồn chính là nước mặt, nước ngầm và nước mưa tự nhiên.

*\* Tài nguyên rừng*

Tài nguyên rừng của huyện có chất lượng không cao, diện tích rừng chủ yếu là rừng trồng mới, rừng tái sinh chưa đến tuổi được khai thác, diện tích đất lâm nghiệp của huyện theo thống kê đất đai ngày 31/12/2016 là 265,09 ha, chiếm 2,70% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó toàn bộ là quỹ đất rừng sản xuất.

*\* Tài nguyên khoáng sản*

Lâm Thao là huyện nghèo về tài nguyên khoáng sản với trữ lượng nhỏ, một số loại khoáng sản chủ yếu trên địa bàn là: Cao lanh ở Xuân Lũng và thị trấn Hùng Sơn; nước khoáng ở xã Tiên Kiên; cát sông Hồng và mỏ sét làm vật liệu xây dựng thông thường ở các xã Cao Xá, Vĩnh Lại, Bản Nguyên, Kinh Kệ, Hợp Hải,…

## 1.2. Thực trạng phát triển kinh tế xã hội

Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 9 tháng đầu năm 2017, tuy gặp không ít khó khăn thách thức ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội nhưng về cơ bản huyện Phù Ninh đã hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra, kết quả như sau:

## *1.2.1. Về kinh tế*

- Giá trị tăng thêm năm 2016 *(Theo giá năm 2010)* đạt 2.598,3 tỷ đồng, tăng 5,7% so cùng kỳ. Trong đó:

+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 529,4 tỷ đồng, tăng 2,6%;

+ Công nghiệp - xây dựng đạt 1.416 tỷ đồng, tăng 6,9%;

+ Dịch vụ đạt 652,9 tỷ đồng, tăng 5,6%.

- Cơ cấu kinh tế:

+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản 20,9%;

+ Công nghiệp - xây dựng 52,8%;

+ Thương mại dịch vụ 26,3%.

- Giá trị tăng thêm bình quân/người/năm: 35,4 triệu đồng/người.

*a) Về sản xuất nông nghiệp*

*- Về trồng trọt*: Diện tích đất lúa 5.979,5 ha, giảm 6,7%, trong đó: lúa lai, lúa chất lượng cao đạt 70,4%. Năng suất lúa cả năm đạt 60,7 tạ/ha. Diện tích cây ngô 460,9 ha, năng suất ngô đạt 55,8 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 39.900 tấn.

*- Chăn nuôi, thủy sản:* Tổng đàn vật nuôi, sản lượng thịt hơi suất chuồng, sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng so với cùng kỳ. Trong đó: tổng đàn trâu, bò 6.756 con, tổng đàn lợn 48,5 nghìn con, tổng đàn gia cầm 480 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 9.176 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản 595,17 ha; sản lượng nuôi trồng đạt 2.723 tấn.

*b) Về sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp*

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Bắc Lâm Thao, tổng mức đầu tư trên 120 tỷ đồng. Tập trung thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Do đó, sản xuất CN – TTCN tiếp tục ở múc tăng trưởng khá, giá trị tăng trên địa bàn ước đạt 950,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, khu vực kinh tế Nhà nước tiếp tục gặp khó khăn, thị trường tiêu thụ bị hạn hẹp. Một số sản phẩm giảm so cùng kỳ: NPK giảm 3,9%, lân nung chảy giảm 3%.

*c) Về Thương mại - dịch vụ*

Khu vực dịch vụ tiếp tục phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 1.126,5 tỷ đồng, tăng 5,4% so cùng kỳ. Công tác quản lý thi trường được đẩy mạnh, thị trường hàng hóa được duy trì ổn định không xảy ra hiện tượng mất cân đối cung cầu, tình trạng sốt giá.

## *1.2.2. Về văn hóa - xã hội*

*a) Công tác Giáo dục - đào tạo*

Chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập GDTH đúng độ tuổi, phổ cập GDTHCS được duy trì; tỷ lệ học sinh lên lớp bậc TH đạt 99,8%, THCS đạt 98%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, trường lớp học được quan tâm đầu tư, tính đến nay đã có 51/51 trường đạt chuẩn Quốc gia. Công giáo dục thể chất học đường được đẩy mạnh, công tác khuyến học, khuyến tài được quan tâm.

*b) Công tác văn hoá, thể dục, thể thao*

Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* gắn với xây dựng phong trào xây dựng *“nông thôn mới”*. Hoạt động thông tin truyền thông có hiệu quả; đã tuyên truyền sâu rộng nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và địa biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ huyện và các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước đảm bảo thông tin chính thống, định hướng đúng dư luận xã hội.

*c) Công tác y tế và dân số - KHHGĐ*

Đã thực hiện sáp nhập Trung tâm y tế với bệnh việnđa khoa thành Trung tâm y tế thực hiện hai chức năng dịch vụ khám chữa bệnh và y tế dự phòng theo Quyết địnhcủa UBND tỉnh. Công tác khám, chữa bệnh Trung tâm Y tế huyện và các Trạm Y tế xã, thị trấn tiếp tục được cải thiện, trang thiết bị chuyên sâu, cở sở vật chất được đầu tư nâng cấp, duy trì 100% trạm y tế xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 đối với 14 xã, thị trấn, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

*d) Công tác an sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm*

Các chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo được đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Việc thực hiện chương trình giảm nghèo gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực, đã đào tạo nghề 1.720 lao động; giải quyết việc làm cho 2.506 lao động; xuất khẩu lao động 411 người.

# II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

# 2.1. Hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2017

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2016 và ước thực hiện các công trình, dự án đến 31/12/2017. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 9.835,46 ha. Chi tiết như sau:

**Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất 31/12/2017 của huyện Lâm Thao**

| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **MÃ** | **Hiện trạng 31/12/2017** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích (ha)** | **Cơ cấu (%)** |
|  | **Tổng diện tích tự nhiên** |  | **9.835,46** | **100,00** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **6.257,67** | **63,62** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.657,89 | 37,19 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | LUC | 3.255,84 | 33,10 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 596,63 | 6,07 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 1.113,16 | 11,32 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | - | - |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | - | - |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 264,69 | 2,69 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 594,77 | 6,05 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | - | - |
| 1.9 | *Đất nông nghiệp khác* | NKH | 30,53 | 0,31 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.538,60** | **35,98** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 18,23 | 0,19 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 22,49 | 0,23 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | - | - |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT | 10,64 | 0,11 |
| 2.5 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 11,53 | 0,12 |
| 2.6 | Đất thương mại dịch vụ | TMD | 1,16 | 0,01 |
| 2.7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 123,03 | 1,25 |
| 2.8 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | 3,55 | 0,04 |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.153,37 | 11,73 |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | - | - |
| 2.11 | Đất có di tích lịch sử văn hóa | DDT | 9,09 | 0,09 |
| 2.12 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 1,49 | 0,02 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 519,09 | 5,28 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 108,66 | 1,10 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 11,46 | 0,12 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | - | - |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | - | - |
| 2.18 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 16,25 | 0,17 |
| 2.19 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 72,06 | 0,73 |
| 2.20 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 72,05 | 0,73 |
| 2.21 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 13,03 | 0,13 |
| 2.22 | Đất khu vui chơi giải trí công cộng | DKV | 0,71 | 0,01 |
| 2.23 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 5,83 | 0,06 |
| 2.24 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 1.285,81 | 13,07 |
| 2.25 | Đất có mặt nước chuyên dung | MNC | 75,52 | 0,77 |
| 2.26 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 3,55 | 0,04 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **39,19** | **0,40** |
| **4** | **Đất khu công nghệ cao** | **KCN** | **-** | **-** |
| **5** | **Đất khu kinh tế** | **KKT** | **-** | **-** |
| **6** | **Đất đô thị** | **KDT** | **1.026,45** | **10,44** |

*(Ghi chú: \* Không tổng hợp vào tổng diện tích tự nhiên).*

**2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017**

Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lâm Thao được phê duyệt tại Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2017, một số công trình phát sinh, bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được phê duyệt tại Quyết định:

+ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

+ Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

+ Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 07 tháng 09 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

+ Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

+ Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Đến nay, UBND huyện Lâm Thao đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất ước đến 31/12/2017 của huyện như sau:

### *2.2.1. Đánh giá kết quả việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch*

**Bảng 02: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017**

| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **MÃ** | **Diện tích  CMĐ theo  KH, KHĐC 2017  đã được  duyệt (ha)** | **Diện tích  CMĐ  năm 2017  đã thực  hiện (ha)** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **-203,17** | **-30,57** | **15,05** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | -137,62 | -22,10 | 16,06 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | LUC | -120,23 | -20,80 | 17,30 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | -27,71 | -7,02 | 25,33 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | -8,02 | -0,50 | 6,23 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH |  |  |  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD |  |  |  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | -50,21 | -0,40 | 0,80 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 9,33 | -0,55 | -5,89 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU |  |  |  |
| 1.9 | *Đất nông nghiệp khác* | NKH | 11,06 |  | 0,00 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **203,17** | **30,57** | **15,05** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 6,45 | 1,40 | 21,71 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN |  |  |  |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK |  |  |  |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT |  |  |  |
| 2.5 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 60,03 |  | 0,00 |
| 2.6 | Đất thương mại dịch vụ | TMD | 1,45 |  | 0,00 |
| 2.7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 13,49 | 1,22 | 9,04 |
| 2.8 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS |  |  |  |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 28,13 | -7,16 | -25,45 |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL |  |  |  |
| 2.11 | Đất có di tích lịch sử văn hóa | DDT |  |  |  |
| 2.12 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 1,19 |  | 0,00 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 58,99 | 28,03 | 47,52 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 13,58 | 1,95 | 14,36 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 0,62 |  | 0,00 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 0,18 |  | 0,00 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |  |  |  |
| 2.18 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 0,09 |  | 0,00 |
| 2.19 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 12,52 | -0,05 | -0,40 |
| 2.20 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 4,93 | 5,18 | 105,07 |
| 2.21 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 0,23 |  | 0,00 |
| 2.22 | Đất khu vui chơi giải trí công cộng | DKV |  |  |  |
| 2.23 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 1,29 |  | 0,00 |
| 2.24 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON |  |  |  |
| 2.25 | Đất có mặt nước chuyên dung | MNC |  |  |  |
| 2.26 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK |  |  |  |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** |  |  |  |

*a) Nhóm đất nông nghiệp*

Diện tích đất nông nghiệp được duyệt năm 2017 giảm 203,17 ha, kết quả đã thực hiện giảm được 30,57 ha, thấp hơn 172,60 ha và đạt 15,05% kế hoạch. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Kế hoạch được duyệt giảm 137,62 ha, đã thực hiện giảm được 22,10 ha, thấp hơn 115,52 ha và đạt 16,06% kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình dự án năm 2017 dự kiến thực hiện lấy vào đất trồng lúa nhưng chưa thực hiện được như: Dự án Cụm công nghiệp bắc Lâm Thao, Dự án Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ, huyện Lâm Thao, Dự án Khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Sơn Vi, Dự án xây dựng nhà máy gạch Tuynel,…

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được duyệt giảm 27,71 ha, đã thực hiện giảm được 7,02 ha, thấp hơn 20,69 ha và đạt 25,33% kế hoạch. Nguyên nhân là do các công trình lấy vào đất trồng cây hàng năm khác chưa thực hiện được như: Dự án xử lý điểm đen giao thông tại Km11+900/QL32C; Dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn km64 - Km80,1 huyện Lâm Thao; Dự án mở rộng nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân xã Sơn Vi; Dự án xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng tai khu Kiến Thiết - Xã Cao Xá,…

- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt thực giảm 8,02 ha, đã thực hiện giảm được 0,50 ha, thấp hơn 7,52 ha và đạt 6,23% kế hoạch. Nguyên nhân là do các công trình lấy vào đất trồng cây lâu năm chưa thực hiện được như: Các dự án chuyển mục đích, xen ghép trong khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn; Dự án cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 324B từ Cao Xá đi Bản Nguyên; Dự án xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu,...

- Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được duyệt giảm 50,21 ha, đã thực hiện giảm được 0,40 ha, thấp hơn 49,81ha và đạt 0,80% kế hoạch. Nguyên nhân là do các công trình lấy vào đất rừng sản xuất chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng Trường bắn, Thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện Lâm Thao; Dự án Cụm công nghiệp bắc Lâm Thao, Dự án mở rộng, mở mới nghĩa trang, nghĩa địa các xã: Xuân Lũng, Tiên Kiên,…

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được duyệt thực tăng 9,33 ha, đã thực hiện giảm 0,55 ha, thấp hơn 9,88 ha. Trong đó:

+ Chưa giảm kế hoạch do chưa thực hiện được các dự án dự kiến lấy vào đất nuôi trồng thủy sản như chuyển mục đích, xen ghép trong khu dân cư trên địa bàn các xã; Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản kết hợp kinh doang dịch vụ (Hồ câu sinh thái) tại xã Xuân Lũng,...

+ Chưa tăng theo kế hoạch do chưa thực hiện được dự án dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Sơn Vi, Bản Nguyên và thị trấn Lâm Thao.

- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được duyệt tăng 11,06 ha, nhưng chưa thực hiện được. Nguyên nhân do một số công trình dự án dự kiến thực hiện năm 2017 nhưng chưa thực hiện được như: Dự án chăn nuôi lợn kết hợp trang trại trên địa bàn xã Kinh Kệ và xã Cao Xá; Dự án chăn nuôi bò thịt tại địa bàn Xã Vĩnh Lại,…

*b) Nhóm đất phi nông nghiệp*

Đất phi nông nghiệp được duyệt tăng 203,17 ha, đã thực hiện tăng được 30,57 ha, thấp hơn 172,60 ha và đạt 15,05% kế hoạch. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch được duyệt tăng 6,45 ha, đã thực hiện được 1,40 ha (Dự án Lữ đoàn 604, Quân khu 2) nhưng chưa chuyển mục đích thấp hơn 5,05 ha và đạt 21,71% kế hoạch do chưa thực hiện được dự án xây dựng Trường bắn, Thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện Lâm Thao.

- Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch được duyệt là tăng 60,03 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện dự án: Cụm công nghiệp bắc Lâm Thao và dự án Cụm công nghiệp Hợp Hải – Kinh Kệ, huyện Lâm Thao, Dự án Khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Sơn Vi trong năm 2017 nhưng chưa thực hiện được theo kế hoạch.

- Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch được duyệt tăng 1,45 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện dự án: Dự án xây dựng cây xăng và trạm dịch vụ tổng hợp xã Kinh Kệ; Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh dịch vụ thương mại xã Cao Xá, Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu và kinh doanh dịch vụ tổng hợp xã Sơn Dương;…

- Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh: Kế hoạch được duyệt tăng 13,49 ha, đã thực hiện tăng được 1,22 ha, thấp hơn 12,27 ha và đạt 9,04 % kế hoạch do chưa thực hiện được dự án: Dự án xây dựng nhà máy gạch Tuynel; Khu giết mổ tập trung tại xã Vĩnh Lại, dự án xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã Cao Xá và thị trấn Hùng Sơn, Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản kết hợp kinh doang dịch vụ (Hồ câu sinh thái) tại xã Xuân Lũng.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Kế hoạch được duyệt tăng 28,13 ha, đã thực hiện tăng được 1,87 ha, đồng thời cũng giảm 7,16 ha do thực hiện dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới từ QL 32C mới đi Cống Bờ Dân, Bờ Xoan xã Tứ Xã lấy vào đất giao thông, thủy lợi. Bên cạnh đó một số công trình phát triển hạ tầng đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2017 nhưng chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng trạm biến áp 110 KV, dự án cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 324B từ Cao Xá đi Bản Nguyên, dự án xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu,…

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Kế hoạch được duyệt tăng 1,19 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện được dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải tại địa bàn các xã: Tiên Kiên, Xuân Lũng, Xuân Huy, TT Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn, Hợp Hải, Tứ Xã, Bản Nguyên,…

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt tăng 58,99 ha, năm 2017 thực hiện tăng được 28,03 ha, thấp hơn 30,96 ha và đạt 47,52% kế hoạch do chưa thực hiện được hết các dự án khu dân cư trên địa bàn các xã.

- Đất ở tại đô thị: Kế hoạch được duyệt tăng 13,58 ha, năm 2017 thực hiện tăng được 1,95 ha, thấp hơn 11,63 ha và đạt 14,36% kế hoạch do chưa thực hiện được dự án chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn Hùng Sơn và thị trấn Lâm Thao.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch được xét duyệt thực tăng 0,62 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện dự án trụ sở làm việc đội QLTT số 11 và xây dựng trụ sở làm việc cho chi cục Thuế huyện Lâm Thao theo phương án kế hoạch.

- Đất xây dựng của trụ sở tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch được xét duyệt thực tăng 0,18 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện Dự án xây dựng quỹ tín dụng thị trấn Hùng Sơn và Xây dựng trụ sở HTX nông nghiệp xã Hợp Hải theo phương án kế hoạch.

- Đất xây dựng cơ sở tôn giáo: Kế hoạch được xét duyệt thực tăng 0,09 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện Dự án mở rộng chùa Phúc Trung xã Tứ Xã theo phương án kế hoạch.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kế hoạch thực hiện tăng 12,52 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện dự án mở rộng, mở mới nghĩa trang, nghĩa địa các xã: Xuân Huy, Kinh Kệ, Vĩnh Lại, Sơn Dương, Xuân Lũng, Tiên Kiên,...đồng thời giảm 0,05 ha do thực hiện dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới từ QL 32C mới đi Cống Bờ Dân, Bờ Xoan xã Tứ Xã .

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch được duyệt tăng 4,93 ha, năm 2017 thực hiện tăng 5,18 ha, cao hơn 0,25 ha và đạt 105,07% kế hoạch.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch thực hiện tăng 0,23 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện được dự án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư các xã: Sơn Vi, Tứ Xã.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Kế hoạch thực hiện tăng 1,29 ha, nhưng chưa thực hiện được do chưa thực hiện được dự án mở rộng đền Xa Lộc tại xã Tứ Xã và Xây dựng Đình làng Bồng Lạng xã Hợp Hải.

### *2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017*

Kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Lâm Thao đã được phê duyệt có 213 công trình, dự án cần thực hiện. Năm 2017 huyện đã thực hiện được kết quả như sau:

+ 29 dự án đã thực hiện xong, chiếm 13,62 % kế hoạch;

+ 7 dự án thực hiện được một phần dự án, chiếm 3,29% kế hoạch;

+ 116 dự án đang thực hiện, chiếm 54,46 % kế hoạch;

+ 19 dự án chưa thực hiện, chiếm 8,92 % kế hoạch (Trong đó số dự án hủy bỏ là 42 dự án, chiếm 19,72 % kế hoạch).

Cụ thể kết quả thực hiện các công trình, dự án như sau:

**Bảng 03: Đánh giá kết quả thực hiện các công trình dự án năm 2017**

| **TT** | **Tên dự án, công trình** | **Địa điểm thực hiện** | **Diện tích tăng thêm (ha)** | **Đánh giá tình hình thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3718/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 (KHSDĐ 2017)** | | | | |
| **I** | **Công trình dự án mục đích quốc phòng** | |  |  |  |
|  | Dự án Lữ đoàn 604, Quân khu 2 | Khu 9; khu Núi Miêu - xã Tiên Kiên | 1,40 | Đã xây dựng, chưa CMĐ | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng Trường bắn, Thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện Lâm Thao | Xã Xuân Lũng | 5,05 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **II** | **Dự án xây dựng cụm công nghiệp** |  |  |  |  |
|  | Dự án Cụm công nghiệp bắc Lâm Thao | Xã Tiên Kiên | 45,00 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án Khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Sơn Vi | Xã Sơn Vi | 1,20 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ, huyện Lâm Thao | Xã Hợp Hải, Xã Kinh Kệ | 13,83 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **III** | **Đất thương mại dịch vụ** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng siêu thị Prime tại khu Đồng Nhà Lạnh, thị trấn Lâm Thao | Khu Đồng Nhà Lạnh – TT Lâm Thao | 0,40 | Hủy bỏ | Không khả thi |
|  | Dự án xây dựng cây xăng và trạm dịch vụ tổng hợp | Khu Bãi Kim - Xã Kinh Kệ | 1,20 | Chưa thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
|  | Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh dịch vụ thương mại | Khu xóm Thành, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **IV** | **Dự án xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh** |  |  |  |  |
|  | Dự án bãi bốc xếp hàng hóa và kinh doanh vật liệu xây dựng | Khu 17 – Xã Vĩnh Lại | 1,00 | Đã thực hiện |  |
|  | Dự án xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh | Đồi Cầu Lồi (Khu 7) - TT. Hùng Sơn | 0,32 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
|  | Dự án xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh | Khu 17 - Xã Cao Xá | 0,62 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
|  | Khu giết mổ tập trung | Xã Vĩnh Lại | 0,80 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| **V** | **Đất phát triển hạ tầng** |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Dự án xây dựng công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm*** | |  |  |  |
|  | Xây dựng đài tưởng niệm liệt sỹ TT Hùng Sơn | Khu Đồng Đình, TT Hùng Sơn | 0,30 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| ***2*** | ***Đất xây dựng cơ sở y tế*** |  |  |  |  |
|  | Dự án mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Lâm Thao | TT Lâm Thao | 0,33 | Hủy bỏ |  |
| ***3*** | ***Dự án xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*** |  |  |  |  |
|  | Dự án mở rộng trường mầm non 1 xã Tứ Xã | Xã Tứ Xã | 0,40 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng trường mầm non 2 xã Tứ Xã | Khu 3 - Xã Tứ Xã | 0,60 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng trường tiểu học Tiên Kiên | Khu 5 - xã Tiên Kiên | 0,25 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng trường mầm non bán trú 3 xã Cao Xá | Khu Dục Mỹ - Xã Cao Xã | 0,28 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Mở rộng trường mầm non xã Hợp Hải | Khu 4, xã Hợp Hải | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng trường tiểu học và THCS Cao Mại (sân hoạt động thể chất) | TT Lâm Thao | 0,78 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| ***4*** | ***Dự án xây dựng cơ sở thể dục thể thao*** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng sân vận động trung tâm xã Tiên Kiên | Khu 5, Xã Tiên Kiên | 0,76 | Hủy bỏ |  |
|  | Dự án xây dựng sân thể thao cộng đồng dân cư số 8, số 9 xã Sơn Vi | Khu 8, Khu 9, xã Sơn Vi | 0,15 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng sân thể thao cộng đồng dân cư số 5, số 6 | Khu 5, khu 6, xã Sơn Vi | 0,15 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng sân vận động xã Thạch Sơn | Xã Thạch Sơn | 0,40 | Hủy bỏ |  |
|  | Dự án mở rộng sân vận động xã Tứ Xã | Xã Tứ Xã | 1,50 | Hủy bỏ |  |
| ***5*** | ***Đất giao thông*** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng bến xe khách huyện Lâm Thao | Khu Đồng Nhà Đò - TT. Lâm Thao | 0,74 | Đã thực hiện |  |
|  | Dự án xử lý điểm đen giao thông tại Km11+900/QL32C | TT. Lâm Thao | 0,15 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án LRAMP | Xã Xuân Lũng | 0,24 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã đoạn từ xã Vĩnh Lại đi xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao | Xã Vĩnh Lại | 0,14 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL 32C đi TL 324 đoạn qua TT Lâm Thao | TT Lâm Thao | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng đường giao thông nội đồng kết hợp kênh tưới tiêu nội đồng các xã: Sơn Vi, Hợp Hải, Xuân Huy, Bản Nguyên, Tứ Xã, Vĩnh Lại | Xã Sơn Vi | 0,51 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Hợp Hải | 1,20 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Xuân Huy | 0,11 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Bản Nguyên | 2,80 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Tứ Xã | 1,20 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Vĩnh Lại | 1,40 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng đường giao thông nông thôn xã Thạch Sơn | Ngã tư Ô. Huy Đào - Chợ Đồng Triền, Xã Thạch Sơn | 0,60 | Chưa thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Nhà Lối - đi xã Xuân Lũng, Xã Thạch Sơn | 0,24 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
|  | Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp giao thông, thủy lợi nội đồng các xã: Cao Xá, Vĩnh Lại, Tứ Xã, Sơn Vi, Bản Nguyên, Sơn Dương, Kinh Kệ, Hợp Hải | Xã Cao Xá | 0,80 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Vĩnh Lại | 0,70 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Tứ Xã | 0,25 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Sơn Vi | 0,35 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Bản Nguyên | 0,30 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Sơn Dương | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Kinh Kệ | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Hợp Hải | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
|  | Dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn km64 - Km80,1 huyện Lâm Thao | TT Lâm Thao | 1,00 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Hợp Hải | 1,50 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Xuân Huy | 1,50 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Thạch Sơn | 1,00 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
|  | Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL32C đi Sơn Vi (đoạn từ xóm Thùy Nhật đến TT GDTX - Hướng Nghiệp và Công an huyện | Thị trấn Lâm Thao | 0,46 | Đang thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
|  | Dự án cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 324B từ Cao Xá đi Bản Nguyên | Xã Cao Xá | 0,30 | Chưa thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Tứ Xã | 1,50 | Chưa thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
| Xã Bản Nguyên | 0,90 | Chưa thực hiện | Chuyển sang năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng đường giáp HL6 - đi chùa Quan Mạc - Cầu Đồng | Xã Tiên Kiên | 0,80 | Chưa thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
|  | Dự án mở rộng đường giao thông nông thôn các xã Xuân Huy, Xuân Lũng | Khu 1,2,3,7 xã Xuân Lũng | 0,70 (sửa 1,5 ha) | Đang thực hiện (Đã thực hiện xong 0,8 ha) | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Khu Đồng Chiêm, xã Xuân Huy | 1,52 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
|  | Dự án xây dựng cầu chui qua nhánh đường sắt từ ga Tiên Kiên vào Công ty CP Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao | Xã Thạch Sơn | 0,30 | Đã thực hiện |  |
| ***6*** | ***Đất thủy lợi*** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu | TT. Lâm Thao | 3,67 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống ruột tiêu ngòi Vĩnh Mộ | Xã Cao Xá | 1,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt xã Xuân Lũng, Xuân Huy | Xã Xuân Lũng, xã Xuân Huy | 0,03 | Đã thực hiện |  |
| ***7*** | ***Đất công trình năng lượng*** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng trạm biến áp 110 KV | Xã Kinh Kệ | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Xây dựng các công trình Đường dây và trạm biến áp | Các xã, thị trấn | 0,02 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| ***8*** | ***Đất chợ*** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng chợ Tiên Kiên | Xã Tiên Kiên | 2,60 | Hủy bỏ |  |
| **VI** | **Đất bãi thải, xử lý chất thải** |  |  |  |  |
|  | Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải tại xã Hợp Hải | Khu 1 - Xã Hợp Hải | 0,20 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải | TT Hùng Sơn | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải tại địa bàn các xã: Tiên Kiên, Xuân Lũng, Xuân Huy, TT Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn, Hợp Hải, Tứ Xã, Bản Nguyên | TT. Lâm Thao | 0,15 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải tại địa bàn các xã: Tiên Kiên, Xuân Lũng, Xuân Huy, TT Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn, Hợp Hải, Tứ Xã, Bản Nguyên | TT. Hùng Sơn | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Tiên Kiên | 0,10 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Xã Xuân Huy | 0,10 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Xã Xuân Lũng | 0,10 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Xã Hợp Hải | 0,10 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Xã Tứ Xã | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Bản Nguyên | 0,14 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| **VII** | **Đất ở tại đô thị** |  |  |  |  |
| **1** | **Thị trấn Hùng Sơn** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu đô thị mới TT Hùng Sơn | Khu 5 - TT. Hùng Sơn | 0,60 | Đang thực hiện GPMB | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu 13 - TT. Hùng Sơn | 0.40 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Đồng Giang - TT. Hùng Sơn | 2,20 | Đang thực hiện GPMB | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu 3 - TT. Hùng Sơn | 1,10 | Hủy bỏ |  |
| Khu 5 - TT. Hùng Sơn | 0,50 | Hủy bỏ |  |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Đồng Sâu | 1,55 | Đã thực hiện |  |
| **2** | **Thị trấn Lâm Thao** |  |  |  |  |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Đồng Nhà Lạnh (Dưới) - TT. Lâm Thao | 6,70 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **VIII** | **Đất ở tại nông thôn** |  |  |  |  |
| **1** | **Xã Thạch Sơn** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Đồng Cổng Đầm | 0,55 | Đang thực hiện (Đã có QĐ THĐ) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đồng Nhà Bưởi | 0,25 | Đang thực hiện (Đã có QĐ THĐ) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đồng Rổ | 0,40 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đồng Lời | 0,10 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Sao Bông, Khu Đồng Chằm | 1,60 | Đang thực hiện (Đã xong khu Đồng Chằm 1,20ha) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **2** | **Xã Bản Nguyên** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu 11 | 0,70 | Đã thực hiện |  |
| Đồng Ven Trại khu 6 | 0,64 | Đã thực hiện |  |
| Khu Kiot long Ngòi | 0,28 | Đã thực hiện |  |
| Hóc Ao khu 2 | 0,50 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **3** | **Xã Xuân Huy** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Ao ông Biên | 0,40 | Hủy bỏ |  |
| Đồng Gió | 1,65 | Đang thực hiện GPMB | Chuyển tiếp năm 2018 (Thực hiện theo điều chỉnh bổ sung QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 14/11/2017) |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Hố Ông Hân, Đồng Thần | 0,74 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **4** | **Xã Xuân Lũng** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Ao Cây Xi | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Dọc Đầm, Cổng Trại, Mả Hán Trên, Rừng Cống- Xã Xuân Lũng | 1,60 | Đang thực hiện (Đã thực hiện xong Mả Hán Trên 0,45 ha) | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Gò Củn - Xã Xuân Lũng | 0,13 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Mả Hán, Dọc Đầm, Cầu Đá, Cổng Trại, Gò Củn 1, Gò Củn 2, Đồng Chiêm - Xã Xuân Lũng | 0,89 | Đang thực hiện (Đã thực hiện xong Đồng Chiêm 0,07 ha) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **5** | **Xã Tứ Xã** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Bờ Châu Lội | 0,90 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Bờ Gạt Nước | 0,50 | Hủy bỏ |  |
| Bóng Mát – Khu 12 | 0,40 | Hủy bỏ |  |
| Ao Khu 19 | 1,00 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Lò Gạch | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu 11 - khu 12 | 0,40 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Bờ Xoan - Xã Tứ Xã | 0,80 | Hủy bỏ | Nằm trong dự án Cty Sông Hồng |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Trằm Rằng Dưới - Xã Tứ Xã | 0,60 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **6** | **Xã Kinh Kệ** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Thơ Dơ (Khu 2) | 0,40 | Đã thực hiện |  |
| Khu Sau Chùa (Khu 2) | 0,44 | Đã thực hiện |  |
| Khu Bãi (Khu 5) | 0,34 | Đang thực hiện (Đã có QĐ THĐ) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Bãi (Khu 8) | 0,34 | Đang thực hiện (Đã có QĐ THĐ) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Ao Đình (Khu 8) | 0,34 | Đang thực hiện (Đã có QĐ THĐ) | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Bãi Vù | 0,34 | Đã thực hiện |  |
| Khu Bãi Vù | 0,52 | Đã thực hiện |  |
| Khu Sau Ao | 0,81 | Đã thực hiện |  |
| **7** | **Xã Vĩnh Lại** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Chăn Nuôi | 0,70 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Dộc (khu 2) - Xã Vĩnh Lại | 0,70 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Đập Tràn, khu Văn Điểm, ao khu 14, khu 4 - Xã Vĩnh Lại | 1,40 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **8** | **Xã Sơn Dương** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Đồng Nhà Rèo | 1,00 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Đầu Tường – Xã Sơn Dương | 0,28 | Đã thực hiện |  |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Đầu Tường – Xã Sơn Dương | 0,57 | Đã thực hiện |  |
| **9** | **Xã Hợp Hải** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu 5 | 0,82 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Đồng Lũy - Cội Lụ | 0,55 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Thùng Cội Lụ | 0,54 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| **10** | **Xã Tiên Kiên** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Đồng Xoản | 0,28 | Đã thực hiện |  |
|  | Dự án đấu giá quyền sử dụng đất | Khu 6 (giáp đường L6) | 0,50 | Đã thực hiện |  |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu 9, MuZin, Rừng Nhỡm, Ao Cá -Xã Tiên Kiên | 0,51 | Đang thực hiện (Đã thực hiện xong MuZin, Rừng Nhỡm) | Chuyển tiếp năm 2018 ( Thực hiện theo điều chỉnh bổ sung QĐ số 3157/QĐ-UBND ngày 23/11/2017) |
| **11** | **Xã Cao Xá** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Xóm Giữa (đường ra Đình) | 0,12 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Hạ Thôn (Ven Làng Ao Ông Ngọc) | 0,14 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 (Thực hiện theo điều chỉnh bổ sung QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 14/11/2017) |
| Khu Ao Châu | 0,18 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Cổng Tề | 0,08 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Kiến Thiết | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Đồng Giữa | 0,15 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Ao Sẩm | 0,25 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Gò Giữa | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Ao Tề | 0,24 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **12** | **Xã Sơn Vi** |  |  |  |  |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Cửa Nghìa | 0,40 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Vườn Hành | 0,30 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đồng Vác | 0,50 | Đã thực hiện |  |
| Quán Rùa | 0,80 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đình Nội | 0,70 | Đã thực hiện |  |
| Khu Nương Cam Dưới | 0,12 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| **13** | **Dự án chuyển mục đích trong khu dân cư, xem ghép trong khu dân cư** | |  |  |  |
|  | Dự án chuyển mục đích trong khu dân cư, xem ghép trong khu dân cư của 14 xã, thị trấn | TT. Hùng Sơn | 0,40 | Đã thực hiện |  |
| TT. Lâm Thao | 0,40 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Bản Nguyên | 0,58 | Đang thực hiện (Đã thực hiện xong 0,1ha) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Cao Xá | 0,30 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Hợp Hải | 0,28 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Kinh Kệ | 0,28 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Sơn Dương | 0,28 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Sơn Vi | 0,38 | Đã thực hiện |  |
| Xã Thạch Sơn | 0,33 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Tiên Kiên | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Tứ Xã | 0,28 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Vĩnh Lại | 0,33 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Xuân Huy | 0,33 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Xã Xuân Lũng | 0,33 | Đang thực hiện (Đã thực hiện xong 0,1ha) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **IX** | **Đất xây dựng trụ sở cơ quan** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng trụ sở làm việc cho chi cục Thuế huyện Lâm Thao | Khu Lâm Thao, TT Lâm Thao | 0,57 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Xây dựng đội QLTT số 11 | Xã Sơn Vi | 0,05 | Chưa thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| **X** | **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng quỹ tín dụng thị trấn Hùng Sơn | Khu 3, TT. Hùng Sơn | 0,06 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Xây dựng trụ sở HTX nông nghiệp xã Hợp Hải | Khu 4, xã Hợp Hải, huyện Lâm Thao | 0,12 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **XI** | **Đất xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa tang** | |  |  |  |
|  | Dự án mở rộng, mở mới nghĩa trang, nghĩa địa các xã: Xuân Huy, Kinh Kệ, Vĩnh Lại, Sơn Dương, Xuân Lũng, Tiên Kiên | Khu Gò Đa - Xã Xuân Huy | 0,10 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Đồng Gầu - xã Kinh Kệ | 0,50 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Ngái - Xã Vĩnh Lại | 0,25 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Nhà Chạo, Nhà Sấu - Xã Sơn Dương | 0,30 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Rừng Giữa Lớn - Xuân Lũng | 3,00 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đồi Tên Lửa (Khu 16) - xã Tiên Kiên | 2,20 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang nhân dân | Khu Gò Lác, xã Tứ Xã | 0,15 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa | Khu Đồng Giao (Mả Dẻ) - TT. Lâm Thao | 1,75 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa | Khu Đường, xã Vĩnh Lại | 0,55 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa | Khu Miếu, khu Chăn Nuôi, khu Mèo Ngoài, khu Đuôi Dùng - Xã Hợp Hải | 0,94 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân | Khu 4, khu Đồng Vác, khu Rừng Núi, khu Vườn Sậu - xã Sơn Vi | 1,68 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân | Khu 1, Khu 2, khu 3 - Xã Bản Nguyên | 1,20 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **XII** | **Đất xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng** |  |  |  |  |
|  | Dự án bãi tập kết và trung chuyển vật liệu tạm thời | Khu 14, 15 xã Vĩnh Lại | 1,50 | Đã thực hiện |  |
|  | Dự án bãi tập kết và trung chuyển vật liệu xây dựng | Khu Phong Vân B - Xã Cao Xá | 0,16 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
|  | Dự án xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng | Khu 17 - Xã Vĩnh Lại | 1,00 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu 8 – Xã Thạch Sơn | 0,68 | Đã thực hiện |  |
| Khu Nguyễn Xá, Khu Phong Vân B - Xã Cao Xá | 0,84 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Khu Kiến Thiết - Xã Cao Xá | 0,75 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| **XIII** | **Đất sinh hoạt cộng đồng** |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư các xã: Sơn Vi, Tứ Xã | Khu 2, khu 6 - Xã Sơn Vi | 0,16 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu 8, xã Tứ Xã | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **XIV** | **Đất cơ sở tín ngưỡng** |  |  |  |  |
|  | Xây dựng Đình làng Bồng Lạng | Khu 5, xã Hợp Hải | 0,10 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng Đền Xa Lộc | Khu 1, xã Tứ Xã | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **XV** | **Đất nuôi trồng thủy sản** |  |  |  |  |
|  | Dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản và trang trại chăn nuôi | Khu Đồng Chiêm Sâu, Đồng Sào Trong, Đồng Rộc - Xã Bản Nguyên | 5,05 | Chưa thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Bờ Hồ, Nhà Do - Xã Sơn Vi | 4,00 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Con Đỗng, Cầu Sóng, Bờ Múc, Đầm Bè Cả, xã Sơn Vi | 3,70 | Đang thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
|  | Dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản | Khu Bờ Đình, Khu 1, xã Sơn Vi | 4,00 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Thắng Lợi, Đồng Lồ - TT Lâm Thao | 4,00 | Đang thực hiện (Đã thực hiện xong Đồng Lồ 2 ha) | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **XVI** | **Đất nông nghiệp khác** |  |  |  |  |
|  | Dự án chăn nuôi lợn kết hợp trang trại | Khu Bãi Kim - xã Kinh Kệ | 0,80 | Chưa thực hiện | Đề xuất không chuyển tiếp |
| Khu Rừng Nghê - xã Cao Xá | 0,70 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án chăn nuôi bò thịt tại địa bàn Xã Vĩnh Lại | Khu Đồng Đường Đồng Sùng, xã Vĩnh Lại | 9,56 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **B** | **DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 617/QĐ-UBND NGÀY 23/03/2017 (Điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ 2017)** | | | | |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Từ QL 32C mới đi Cống Bờ Dân, Bờ Xoan xã Tứ Xã | 13,20 | Đã thực hiện |  |
| **C** | **DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1011/QĐ-UBND NGÀY 10/05/2017 (Điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ 2017)** | | | | |
|  | Dự án Nhà máy may gia công Hoa Hồng | Xã Tiên Kiên | 0,43 | Đã thực hiện |  |
| **D** | **DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2300/QĐ-UBND NGÀY 07/09/2017 (Điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ 2017)** | | | | |
|  | Dự án mở rộng khuôn viên chùa Phúc Trung | Xã Tứ Xã | 0,09 | Đang thực hiện (Đã có QĐ THĐ) | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án mở rộng Đền Xa Lộc | Xã Tứ Xã | 1,03 | Đang thực hiện (Đã có QĐ THĐ) | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án chống quá tải trạm trung gian Vĩnh Mộ; các TBA Cao Xã, Sơn Dương, Sơn Vi, Hợp hải; Chống quá tải TBA Xuân Huy, Cao Xá, Sơn Dương | Các xã: Cao Xá, Sơn Dương, Sơn Vi, Hợp Hải, Xuân Huy | 0,11 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Thạch Sơn | Nhà Bưởi | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đồng Rổ | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Sơn Vi | Cửa Nghĩa | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Huyện đội - Lâm Nghĩa | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Vườn Hành | 0,30 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Đình Nội | 0,60 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Quán Rùa | 0,30 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Cao Xá | Cống Khóe | 0,50 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Ao Và | 0,08 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| Khu Nương | 0,64 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Đấu giá QSD đất thực hiện dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Tứ Xã | Từ QL 32C mới đi Cống Bờ Dân, Bờ Xoan xã Tứ Xã | 6,30 | Đã thực hiện |  |
|  | Dự án xây dựng nhà máy gạch Tuynel | Khu Đồng Sào – Vĩnh Lại | 3,80 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản kết hợp kinh doang dịch vụ (Hồ câu sinh thái) | Xã Xuân Lũng | 3,30 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu và kinh doanh dịch vụ tổng hợp | Khu Đồng Suối – Xã Sơn Dương | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Chuyển mục đích sử dụng từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất sản xuất kinh doanh | Khu Hồng Sơn – Xã Thạch Sơn | 1,90 | Đã thực hiện |  |
| **E** | **DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3037/QĐ-UBND NGÀY 14/11/2017 (Điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ 2017)** | | | | |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn mới xã Cao Xá | Khu Hạ Thôn | 0,20 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn mới xã Xuân Huy | Khu Đồng Giỏ | 1,65 | Đang thực hiện | Chuyển tiếp năm 2018 |
| **F** | **DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3157/QĐ-UBND NGÀY 23/11/2017 (Điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ 2017)** | | | | |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn mới | Khu Muzin, Rừng Nhỡm, xã Tiên Kiên, Huyện Lâm Thao | 0,51 | Đã thực hiện |  |

### *2.2.3. Đánh giá những mặt được, chưa được và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017*

Sau khi phân tích, đánh giá các chỉ tiêu, hạng mục kế hoạch sử dụng đất năm 2017 như sau:

\* Những kết quả tích cực đạt được:

- Đã thực hiện tốt công tác công khai, công bố Kế hoạch sử dụng đất năm 2017.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được lập đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2013, mang tính khả thi cao, thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn thu ngân sách cho huyện, quỹ đất được bố trí hợp lý, đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả và đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quỹ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

- Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được thực hiện theo đúng với kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được duyệt. Quá trình thu hồi đất thực hiện dự án được đồng thuận và sự nhất trí cao của đa số người dân có đất bị thu hồi.

\* Mặt chưa được và nguyên nhân:

+ Một số dự án đã thực hiện xong đưa vào sử dụng công trình, song nhưng chưa hoàn thiện thủ tục về đất đai.

+ Một số đơn vị cấp xã chưa quyết liệt thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Một số dự án còn khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng do giá đất theo quy định của Nhà nước chưa sát với giá thị trường, ý thức chấp hành của một bộ phận người dân chưa cao.

+ Đối với các dự án nhận chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, do năng lực tài chính của chủ đầu tư (doanh nghiệp) còn hạn chế dẫn đến tiến độ thực hiện dự án chậm.

+ Một số dự án chậm tiến độ do nguồn Ngân sách chưa phân bổ kịp thời, khả năng huy động vốn chưa đáp ứng được yêu cầu; trình tự thủ tục thực hiện dự án dự án đầu tư kéo dài; khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.

+ Ý thức chấp hành của một bộ phận người sử dụng đất trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa cao; việc quản lý diện tích đất đã được quy hoạch chưa nghiêm dẫn đến khó khăn trong công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng là chậm tiến độ đầu tư công trình dự án có sử dụng đất theo quy hoạch.

# III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

## 3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Dự kiến các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện Lâm Thao năm 2018 như sau:

***\* Đất nông nghiệp:*** 6.089,80 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 3.554,51 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 581,01 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 1.105,25 ha.

- Đất rừng sản xuất: 214,88 ha.

- Đất nuôi trồng thuỷ sản: 603,02 ha.

- Đất nông nghiệp khác: 31,23 ha.

***\* Đất phi nông nghiệp:*** 3.706,47 ha, trong đó:

- Đất quốc phòng: 23,28 ha.

- Đất an ninh: 22,49 ha.

- Đất khu chế xuất: 10,64 ha.

- Đất cụm công nghiệp: 71,56 ha.

- Đất thương mại dịch vụ: 3,30 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 129,71 ha.

- Đất phát triển hạ tầng: 1.181,15 ha.

- Đất có di tích lịch sử văn hóa: 9,09 ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 1,79 ha.

- Đất ở tại nông thôn: 556,48 ha.

- Đất ở tại đô thị: 119,19 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 12,03 ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,18 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo: 16,42 ha.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 85,28 ha.

***\* Đất chưa sử dụng:*** 39,19 ha.

***\* Đất đô thị:*** 1.026,45 ha.

## 3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

***3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017 chưa thực hiện hết chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2018***

Tổng 145 dự án với diện tích 173,88 ha trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017 chưa hoặc đang thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2018. Cụ thể các dự án như sau:

**Bảng 04: Danh mục dự án chuyển tiếp từ KH SDĐ năm 2017**

| **STT** | **Tên dự án, công trình** | **Địa điểm thực hiện** | **Diện tích (ha)** | **Căn cứ thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Công trình dự án mục đích quốc phòng** | |  |  |
|  | Dự án Lữ đoàn 604, Quân khu 2 | Khu 9; khu Núi Miêu - xã Tiên Kiên | 1,40 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng Trường bắn, Thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện Lâm Thao | Xã Xuân Lũng | 5,05 | QĐ 3718/QĐ-UNBD (KH 2017) |
| **II** | **Dự án xây dựng cụm công nghiệp** | |  |  |
|  | Dự án Cụm công nghiệp bắc Lâm Thao | Xã Tiên Kiên | 45,00 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ, huyện Lâm Thao | Xã Hợp Hải, Xã Kinh Kệ | 13,83 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
|  | Dự án Khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Sơn Vi | Xã Sơn Vi | 1,20 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
| **III** | **Đất thương mại, dịch vụ** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng cây xăng và trạm dịch vụ tổng hợp | Bãi Kim – Xã Kinh Kệ | 1,20 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
|  | Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh dịch vụ thương mại | Khu xóm Thành, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao | 0,50 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu và kinh doanh dịch vụ tổng hợp (Công ty TNHH thương mại Hồng Nhung) | Khu Đồng Suối – Xã Sơn Dương | 0,20 | NQ 08/2017/NQ-HĐND; QĐ số 1382/QĐ-UBND ngày 12/06/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về phê duyệt chủ trương đầu tư |
| **IV** | **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng nhà máy gạch Tuynel (Công ty cổ phần Việt Phát Phú Thọ) | Khu Đồng Sào – Vĩnh Lại | 3,80 | NQ 08/2017/NQ-HĐND; QĐ số 1740/QĐ-UBND ngày 21/07/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư |
|  | Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản kết hợp kinh doang dịch vụ (Hồ câu sinh thái) | Xã Xuân Lũng | 3,30 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| **V** | **Đất phát triển hạ tầng** | |  |  |
| **1** | **Đất xây dựng công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm** | |  |  |
|  | Xây dựng đài tưởng niệm liệt sỹ TT Hùng Sơn | Khu Đồng Đình, TT Hùng Sơn | 0,30 | NQ 07/2015/NQ-HĐND; Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt chủ trương đầu tư |
| **2** | **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo** | |  |  |
|  | Dự án mở rộng trường mầm non 1 xã Tứ Xã | Xã Tứ Xã | 0,40 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án mở rộng trường mầm non 2 xã Tứ Xã | Khu 3 - Xã Tứ Xã | 0,60 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án mở rộng trường tiểu học Tiên Kiên | Khu 5 - xã Tiên Kiên | 0,25 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng trường mầm non bán trú 3 xã Cao Xá | Khu Dục Mỹ - Xã Cao Xã | 0,28 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Mở rộng trường mầm non xã Hợp Hải | Khu 4, xã Hợp Hải | 0,10 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án mở rộng trường tiểu học và THCS Cao Mại (sân hoạt động thể chất) | TT Lâm Thao | 0,78 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
| **3** | **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng sân thể thao cộng đồng dân cư số 8, số 9 xã Sơn Vi | Khu 8, Khu 9, xã Sơn Vi | 0,15 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng sân thể thao cộng đồng dân cư số 5, số 6 | Khu 5, khu 6, xã Sơn Vi | 0,15 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| **4** | **Đất giao thông** | |  |  |
|  | Dự án xử lý điểm đen giao thông tại Km11+900/QL32C | TT. Lâm Thao | 0,15 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án LRAMP | Xã Xuân Lũng | 0,24 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã đoạn từ xã Vĩnh Lại đi xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao | Xã Vĩnh Lại | 0,14 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL 32C đi TL 324 đoạn qua TT Lâm Thao | TT Lâm Thao | 0,50 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án mở rộng đường giao thông nội đồng kết hợp kênh tưới tiêu nội đồng các xã: Sơn Vi, Hợp Hải, Xuân Huy, Bản Nguyên, Tứ Xã, Vĩnh Lại | Xã Sơn Vi | 0,51 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Xã Hợp Hải | 1,20 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Xã Xuân Huy | 0,11 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Xã Bản Nguyên | 2,80 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Xã Tứ Xã | 1,20 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Xã Vĩnh Lại | 1,40 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án mở rộng đường giao thông nông thôn xã Thạch Sơn | Ngã tư Ô. Huy Đào - Chợ Đồng Triền | 0,60 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Dự án mở rộng đường giao thông nông thôn xã Thạch Sơn | Nhà Lối - đi xã Xuân Lũng, Xã Thạch Sơn | 0,24 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp giao thông, thủy lợi nội đồng các xã: Cao Xá, Vĩnh Lại, Tứ Xã, Sơn Vi, Bản Nguyên, Sơn Dương, Kinh Kệ, Hợp Hải | Xã Cao Xá | 0,80 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Vĩnh Lại | 0,70 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Tứ Xã | 0,25 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Sơn Vi | 0,35 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Bản Nguyên | 0,30 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Sơn Dương | 0,20 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Kinh Kệ | 0,20 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Hợp Hải | 0,20 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn km64 - Km80,1 huyện Lâm Thao | TT Lâm Thao | 1,00 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Hợp Hải | 1,50 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Xuân Huy | 1,50 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Xã Thạch Sơn | 1,00 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL32C đi Sơn Vi (đoạn từ xóm Thùy Nhật đến TT GDTX - Hướng Nghiệp và Công an huyện | Thị trấn Lâm Thao | 0,46 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
|  | Dự án cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 324B từ Cao Xá đi Bản Nguyên | Xã Cao Xá; xã Tứ Xã; xã Bản Nguyên | 2,70 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp; Tại QĐ số 153/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư |
| **5** | **Đất thủy lợi** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu | TT. Lâm Thao | 3,67 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
|  | Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống ruột tiêu ngòi Vĩnh Mộ | Xã Cao Xá | 1,50 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| **6** | **Đất công trình năng lượng** | |  |  |
|  | Xây dựng các công trình Đường dây và trạm biến áp | Các xã, thị trấn | 0,02 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng trạm biến áp 110 KV | Xã Kinh Kệ | 0,50 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án chống quá tải trạm trung gian Vĩnh Mộ; các TBA Cao Xã, Sơn Dương, Sơn Vi, Hợp hải; Chống quá tải TBA Xuân Huy, Cao Xá, Sơn Dương | Các xã: Cao Xá, Sơn Dương, Sơn Vi, Hợp Hải, Xuân Huy | 0,11 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| **VI** | **Đất bãi thải, xử lý chất thải** | |  |  |
|  | Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải tại xã Hợp Hải | Khu 1 - Xã Hợp Hải | 0,20 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải | TT Hùng Sơn | 0,10 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải | Khu 8 - TT Hùng Sơn | 0,10 | QĐ 3718/QĐ/UBND (KH 2017) |
|  | Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải | Khu Mùa Ấu – Xã Tứ Xã | 0,10 | QĐ 3718/QĐ/UBND (KH 2017) |
| **VII** | **Đất ở tại đô thị** | |  |  |
| **1** | **Thị trấn Hùng Sơn** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu đô thị mới TT Hùng Sơn | Khu 5 | 0,60 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Dự án xây dựng khu đô thị mới TT Hùng Sơn | Khu 13 | 0,40 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; Quyết định số 1549/QĐ-UBND; Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND huyện Lâm về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 |
| Dự án xây dựng khu đô thị mới TT Hùng Sơn | Khu Đồng Giang - TT. Hùng Sơn | 2,20 |
|  | Dự án chuyển mục đích trong khu dân cư, xem ghép trong khu dân cư | Khu 1, khu 2, … khu 16 - TT Hùng Sơn | 0,50 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| **2** | **Thị trấn Lâm Thao** | |  |  |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Đồng Nhà Lạnh (Dưới) - TT. Lâm Thao | 6,70 | NQ 07/2015/NQ-HĐND; Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND huyện Lâm Thao về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở đô thị |
|  | Dự án chuyển mục đích trong khu dân cư, xem ghép trong khu dân cư | TT Lâm Thao | 0,40 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| **VIII** | **Đất ở tại nông thôn** | |  |  |
| **1** | **Xã Thạch Sơn** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Đồng Cổng Đầm | 0,55 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Đồng Nhà Bưởi và bổ sung | 0,45 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| Đồng Rổ và bổ sung | 0,90 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| Đồng Lời | 0,10 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Sao Bông | 0,40 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| **2** | **Xã Bản Nguyên** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Hóc Ao khu 2 | 0,50 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| **3** | **Xã Xuân Huy** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Đồng Gió | 1,65 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; QĐ số 1737/QĐ-UBND ngày 02/06/2017 về việc phê duyệt QH chi tiết tại địa bàn xã Xuân Huy |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Hố Ông Hân, Đồng Thần, Ao khu 3A | 0,74 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
| **4** | **Xã Xuân Lũng** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Ao Cây Xi | 0,10 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Dọc Đầm, Cổng Trại, Rừng Cống- Xã Xuân Lũng | 1,15 | QĐ 3718/QĐ-UNBD (KH 2017) |
|  | Dự án đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Gò Củn - Xã Xuân Lũng | 0,13 | QĐ 3718/QĐ-UNBD (KH 2017) |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Mả Hán, Dọc Đầm, Cầu Đá, Cổng Trại, Gò Củn 1, Gò Củn 2 | 0,82 | QĐ 3718/QĐ-UNBD (KH 2017) |
| **5** | **Xã Tứ Xã** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Bờ Châu Lội | 0,90 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND huyện Lâm Thao về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 |
| Ao Khu 19 | 1,00 |  |
| Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Lò Gạch | 0,50 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Khu 11 - khu 12 | 0,40 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Trằm Rằng Dưới - Xã Tứ Xã | 0,60 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
| **6** | **Xã Kinh Kệ** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Bãi (Khu 5) | 0,34 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Bãi (Khu 8) | 0,34 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Ao Đình (Khu 8) | 0,34 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| **7** | **Xã Vĩnh Lại** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Chăn Nuôi | 0,70 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; Quyết định số 1626/ QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Dộc (khu 2) - Xã Vĩnh Lại | 0,70 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Khu Đập Tràn, khu Văn Điểm, ao khu 14, khu 4 - Xã Vĩnh Lại | 1,40 | QĐ 3718/QĐ-UNBD (KH 2017) |
| **8** | **Xã Sơn Dương** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Đồng Nhà Rèo | 1,00 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; Quyết định số 1605/QĐ-UBND; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 |
| **9** | **Xã Hợp Hải** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu 5 | 0,82 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 |
|  | Dự án đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Đồng Lũy - Cội Lụ | 0,55 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| **10** | **Xã Tiên Kiên** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | MuZin, Rừng Nhỡm | 0,12 | NQ 07/2015/NQ-HĐND; Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt quy hoạch |
|  |  | Ao Cá | 0,50 |
| **11** | **Xã Cao Xá** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới | Khu Xóm Giữa (đường ra Đình) | 0,12 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Hạ Thôn (Ven Làng Ao Ông Ngọc) | 0,20 | NQ 10/2016/NQ-HĐND; QĐ số 2205/QĐ-UBND ngày 15/08/2017 về việc phê duyệt QH chi tiết tại địa bàn xã Cao Xá |
| Khu Ao Châu | 0,18 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Cổng Tề | 0,08 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Kiến Thiết | 0,10 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Cống Khóe (Bổ sung) | 0,50 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| Ao Và (Bổ sung) | 0,08 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| Khu Nương (Xóm Thành) (Bổ sung) | 0,64 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Đồng Giữa | 0,15 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Ao Sẩm | 0,25 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Gò Giữa | 0,20 | QĐ 3718/QĐ-UNBD (KH 2017) |
| Ao Tề | 0,24 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| **12** | **Xã Sơn Vi** | |  |  |
|  | Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất | Khu Cửa Nghìa và bổ sung | 0,90 | NQ 07/2015/NQ-HĐND; NQ 08/2017/NQ-HĐND |
|  | Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư | Huyện đội - Lâm Nghĩa và bổ sung | 1,10 | NQ 07/2015/NQ-HĐND; NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| Khu Vườn Hành và bổ sung | 0,60 | NQ 07/2015/NQ-HĐND; NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| Quán Rùa | 1,10 | NQ 07/2015/NQ-HĐND; NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| Đình Nội (Bổ sung) | 0,60 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| **13** | **Dự án chuyển mục đích trong khu dân cư, xem ghép trong khu dân cư** | | |  |
|  | Dự án chuyển mục đích, xen ghép trong khu dân cư của 14 xã, thị trấn | Khu 1, khu 2….., khu 14 - Xã Bản Nguyên | 0,48 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, khu 2, khu3…. Khu 23 - Xã Cao Xá | 0,30 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, khu 2, khu 3, khu 4, khu 5 - Xã Hợp Hải | 0,28 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, khu 2…. Khu 8 - Xã Kinh Kệ | 0,28 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Dự án chuyển mục đích, xen ghép trong khu dân cư của 14 xã, thị trấn | Khu 1 …, khu 8- Xã Sơn Dương | 0,28 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, …, khu 18 - Xã Sơn Vi | 0,50 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1,…khu 10- Thạch Sơn | 0,33 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1…, khu 16 - Xã Tiên Kiên | 0,50 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, khu 2, … Khu 22 - Xã Tứ Xã | 0,28 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, khu2, khu3,…, khu 17 - Xã Vĩnh Lại | 0,33 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, khu 2,…, khu 11 - Xã Xuân Huy | 0,33 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| Khu 1, khu 2,…, khu 18- Xã Xuân Lũng | 0,33 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| **IX** | **Đất xây dựng trụ sở cơ quan** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng trụ sở làm việc cho chi cục Thuế huyện Lâm Thao | Khu Lâm Thao, TT Lâm Thao | 0,57 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| **X** | **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng quỹ tín dụng thị trấn Hùng Sơn | Khu 3, TT. Hùng Sơn | 0,06 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Xây dựng trụ sở HTX nông nghiệp xã Hợp Hải | Khu 4, xã Hợp Hải, huyện Lâm Thao | 0,12 | NQ 08/2017/NQ-HĐND |
| **XI** | **Đất cơ sở tín ngưỡng** |  |  |  |
|  | Dự án mở rộng đền Xa Lộc | Khu 1, xã Tứ Xã | 0,20 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| **XII** | **Đất xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng** | |  |  |
|  | Dự án mở rộng, mở mới nghĩa trang, nghĩa địa các xã: Xuân Huy, Kinh Kệ, Vĩnh Lại, Sơn Dương, Xuân Lũng, Tiên Kiên | Khu Gò Đa - Xã Xuân Huy | 0,10 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Đồng Gầu - xã Kinh Kệ | 0,50 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Ngái - Xã Vĩnh Lại | 0,25 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Nhà Chạo, Nhà Sấu - Xã Sơn Dương | 0,30 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Rừng Giữa Lớn - Xuân Lũng | 3,00 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Đồi Tên Lửa (Khu 16) - xã Tiên Kiên | 2,20 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang nhân dân | Khu Gò Lác, xã Tứ Xã | 0,15 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa | Khu Đồng Giao (Mả Dẻ) - TT. Lâm Thao | 1,75 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa | Khu Đường, xã Vĩnh Lại | 0,55 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa | Khu Miếu, khu Chăn Nuôi, khu Mèo Ngoài, khu Đuôi Dùng - Xã Hợp Hải | 0,94 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân xã Sơn Vi | Khu 4, khu Đồng Vác, khu Rừng Núi, khu Vườn Sậu | 1,68 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
|  | Dự án mở rộng nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân | Khu 1, Khu 2, khu 3 - Xã Bản Nguyên | 1,20 | Dự án thuộc NQ 19/2014/NQ-HĐND được thực hiện chuyển tiếp |
| **XIII** | **Đất xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng | Khu 17 - Xã Vĩnh Lại | 1,00 | Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 1267/UBND-TNMT (Ô. Tinh); Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 1268/UBND-TNMT (Ô. Dũng); ngày 29/112/2016 của UBND huyện Lâm Thao |
| **XIV** | **Đất sinh hoạt cộng đồng** | |  |  |
|  | Dự án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư các xã: Sơn Vi, Tứ Xã | Khu 2, khu 6 - Xã Sơn Vi | 0,16 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu 8, xã Tứ Xã | 0,10 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| **XV** | **Đất cơ sở tín ngưỡng** | |  |  |
|  | Xây dựng Đình làng Bồng Lạng | Khu 5, xã Hợp Hải | 0,10 | QĐ 3718/QĐ-UBND (KH 2017) |
| **XVI** | **Đất nuôi trồng thủy sản** | |  |  |
|  | Dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản và trang trại chăn nuôi | Khu Đồng Chiêm Sâu, Đồng Sào Trong, Đồng Rộc - Xã Bản Nguyên | 5,05 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
| Khu Bờ Hồ, Nhà Do - Xã Sơn Vi | 4,00 | NQ 07/2015/NQ-HĐND |
|  | Dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản | Khu Bờ Đình, Khu 1, xã Sơn Vi | 4,00 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| Khu Thắng Lợi - TT Lâm Thao | 2,00 | NQ 10/2016/NQ-HĐND |
| **XVII** | **Đất nông nghiệp khác** | |  |  |
|  | Dự án chăn nuôi lợn kết hợp trang trại | Khu Rừng Nghê - xã Cao Xá | 0,70 | Văn bản số 890/UBND-TNMT ngày 08/9/2017 của UBND huyện Lâm Thao về việc chấp thuận chủ trương đầu tư |

***3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân***

Trong năm 2018, UBND huyện Lâm Thao đăng ký bổ sung 19 công trình, dự án, với tổng diện tích 14,40 ha. Cụ thể như sau:

**Bảng 05: Danh mục dự án đăng ký mới năm 2018**

| **STT** | **Tên dự án, công trình** | **Địa điểm thực hiện** | **Diện tích (ha)** | **Căn cứ thực hiện dự án** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Danh mục công trình, dự án thông qua tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND** | | | |
| **1** | **Các dự án, công trình đất giao thông** |  |  |  |
| 1.1 | Dự án nâng cấp, cải tạo đường giao thông đoạn từ đường TL 324 đi xã Tứ Xã (TL 324B) | Xã Sơn Vi | 0,50 | Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình. |
| 1.2 | Dự án: Nâng cấp đường trung tâm xã Hợp Hải đi xã Kinh Kệ | Khu 04, khu 05, xã Hợp Hải | 0,08 | Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt chủ trương đầu tư |
| 1.3 | Dự án xây dựng đường giao thông đoạn đấu nối cầu chui đến ngã tư ông Huy Đào | Khu 2, khu 4,  xã Thạch Sơn | 0,50 | Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình |
| 1.4 | Dự án : Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã đoạn từ cầu Bờ Sen đi xã Tứ Xã | Xã Tứ Xã | 0,38 | Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thực hiện xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn mới tại địa bàn xã Tứ Xã |
| **2** | **Dự án công trình năng lượng** |  |  |  |
| 2.1 | Xây dựng các công trình điện: CQT: 0,41ha (trong đó: đất lúa 0,33ha; đất khác: 0,08ha); Các công trình cải tạo: 0,039ha (trong đó: đất lúa 0,025ha, đất khác 0,014ha) | Các xã, thị trấn | 0,45 | Quyết định số 1464/QĐ-PCI-P8 ngày 14/7/2008 của Công ty Điện lực I về việc phê duyệt TKBVTC-TDT công trình.; Tờ trình số 5583/TTr-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ về nhu cầu sử dụng đất các dự án có sử dụng đất trồng lúa; QĐ; 4318/QĐ-EVNNPC ngày 20/12/2016; CV:1431/PCPT-KT ngày 13/10/2017 của Công ty ĐL Phú Thọ |
| **3** | **Dự án xây dựng công trình cơ sở tôn giáo** |  |  |  |
| 3.1 | Nhà thờ họ giáo Bản Nguyên | Xã Bản Nguyên | 0,07 | Văn bản số 3922/UBND-KTN ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc đồng ý chủ trương cho thực hiện các thủ tục xin giao đất |
| 3.2 | Mở rộng chùa Phúc Trung | Xã Tứ Xã | 0,10 | Văn bản số 2246/UBND-KGVX ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh vv đồng ý chủ trương cho thực hiện các thủ tục xin giao đất |
| **4** | **Dự án xây dựng công trình cơ sở tín ngưỡng** | |  |  |
| 4.1 | Bổ sung diện tích mở rộng Đền Xa Lộc | Xã Tứ Xã | 1,03 | Văn bản số 119/HĐND-TT ngày 18/8/2017 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết số 07/2015/NQ-HĐND đã đưa 0,2 ha, nay xin bổ sung thêm DT để thực hiện |
| **5** | **Các dự án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng dân cư** | |  |  |
| 5.1 | Dự án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư các xã: Sơn Vi, Bản Nguyên, Xuân Lũng | Khu 1, khu 4 - Xã Sơn Vi | 0,10 | Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày  07/6/2011 về việc phê duyệt QH NTM xã Sơn Vi; Khu 1 (Quán Rùa) tại QĐ số1585/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 về việc phê duyệt QH chi tiết |
| Khu 9,11 - xã Bản Nguyên | 0,11 | Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 về việc phê duyệt QH NTM xã Bản Nguyên |
| Khu 17 - xã Xuân Lũng | 0,20 | Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt QH NTM xã Xuân Lũng |
| **5** | **Dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa** |  |  |  |
| 5.1 | Mở rộng nghĩa trang nhân dân | Khu 01, Khu 02, Khu 03- Xã Bản Nguyên | 0,60 | Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt QH NTM |
| **6** | **Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới** |  |  |  |
| 6.1 | Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Dộc, xã Vĩnh Lại | Xã Vĩnh Lại | 8,10 | Quyết định chủ trương đầu tư số 1539/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND huyện Lâm Thao; QĐ số 3043/QĐ-UBND ngày 01/09/2017 của UBND huyện Lâm Thao |
| **7** | **Các dự án phát triển kinh tế thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng QSD đất** | | | |
| 7.1 | Dự án xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Tiên Kiên (Công ty cổ phần dầu khí Khánh Phong) | Khu 15, xã Tiên Kiên | 0,24 | Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án |
| **8** | **Các công trình dự án không phải thông qua HĐND cấp tỉnh** | | | |
| 8.1 | Xây dựng khu thương mại - dịch vụ | Đồng Nhà Đò - TT Lâm Thao | 0,17 | Văn bản số 1102/UBND-TNMT ngày 20/10/2017 của UBND huyện Lâm Thao vv chấp thuận chủ trương |
| 8.2 | Xây dựng bưu điện văn hóa xã Tiên Kiên | Khu Hóc Na, xã Tiên Kiên | 0,05 | Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết |
| 8.3 | Chuyển mục đích sử dụng từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp sang đất ở | Khu 10 - Xã Thạch Sơn | 0,42 | Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi một phần diện tích đất của công ty cổ phần Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao |
| 8.4 | Dự án chuyển mục đích từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất trồng cây hàng năm khác | khu Hồ Ấu, xã Xuân Lũng | 0,10 | QĐ số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 của UBND huyện Lâm Thao về việc phê duyệt QH NTM xã Xuân Lũng |
| 8.5 | Bến, bãi bốc xếp hàng hóa và kinh doanh vật liệu xây dựng (Công ty TNHH Vạn Phát Phú Thọ) | Xã Cao Xá | 0,25 | QĐ số 3132/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về quyết định chủ trương đầu tư |
| 8.6 | Dự án đầu tư xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng các loại máy công trình (Công ty Cổ phần thương mại Tiến Hiên) | Xã Cao Xá | 0,25 | QĐ số 2015/QĐ- UBND ngày 11/08/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư |
| 8.7 | Bãi chứa cát và vật liệu xây dựng (Công ty TNHH thương mại tổng hợp Huyền Đức) | Khu 8 – Xã Thạch Sơn | 0,70 | QĐ số 666/QĐ- UBND ngày 28/03/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư |

**3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

**Bảng 04: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2018**

| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **MÃ** | **Hiện trạng**  **SDĐ năm 2017** | | **Kế hoạch SDĐ**  **năm 2018** | | **Biến động**  **2018/2017** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện**  **tích (ha)** | **Cơ cấu**  **(%)** | **Diện**  **tích (ha)** | **Cơ cấu**  **(%)** |
|  | **Tổng diện tích tự nhiên** |  | **9.835,46** | **100,00** | **9.835,46** | **100,00** | **0,00** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **6.257,67** | **63,62** | **6.089,80** | **62,92** | **-167,87** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.657,89 | 37,19 | 3.554,41 | 36,14 | -103,48 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | LUC | 3.255,84 | 33,10 | 3.164,35 | 32,17 | -91,49 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 596,63 | 6,07 | 581,01 | 5,91 | -15,62 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 1.113,16 | 11,32 | 1.105,25 | 11,24 | -7,91 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | - | - | - | - |  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | - | - | - | - |  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 264,69 | 2,69 | 214,88 | 2,18 | -49,81 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 594,77 | 6,05 | 603,02 | 6,13 | 8,25 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | - | - |  | - |  |
| 1.9 | *Đất nông nghiệp khác* | NKH | 30,53 | 0,31 | 31,23 | 0,32 | 0,70 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.538,60** | **35,98** | **3.706,47** | **37,68** | **167,87** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 18,23 | 0,19 | 23,28 | 0,24 | 5,05 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 22,49 | 0,23 | 22,49 | 0,23 | 0,00 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | - | - |  | - |  |
| 2.4 | Đất khu chế xuất | SKT | 10,64 | 0,11 | 10,64 | 0,11 | 0,00 |
| 2.5 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 11,53 | 0,12 | 71,56 | 0,73 | 60,03 |
| 2.6 | Đất thương mại dịch vụ | TMD | 1,16 | 0,01 | 3,30 | 0,03 | 2,14 |
| 2.7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 123,03 | 1,25 | 129,71 | 1,32 | 6,68 |
| 2.8 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | 3,55 | 0,04 | 3,55 | 0,04 | 0,00 |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.153,37 | 11,73 | 1.181,15 | 12,01 | 27,78 |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | - | - | - | - |  |
| 2.11 | Đất có di tích lịch sử văn hóa | DDT | 9,09 | 0,09 | 9,09 | 0,09 | 0,00 |
| 2.12 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 1,49 | 0,02 | 1,79 | 0,02 | 0,30 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 519,09 | 5,28 | 556,48 | 5,66 | 37,39 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 108,66 | 1,10 | 119,19 | 1,21 | 10,53 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 11,46 | 0,12 | 12,03 | 0,12 | 0,57 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | - | - | 0,18 | 0,002 | 0,18 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | - | - | - | - |  |
| 2.18 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 16,25 | 0,17 | 16,42 | 0,17 | 0,17 |
| 2.19 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 72,06 | 0,73 | 85,28 | 0,87 | 13,22 |
| 2.20 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 72,05 | 0,73 | 74,00 | 0,75 | 1,95 |
| 2.21 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 13,03 | 0,13 | 13,62 | 0,14 | 0,59 |
| 2.22 | Đất khu vui chơi giải trí công cộng | DKV | 0,71 | 0,01 | 0,71 | 0,01 | 0,00 |
| 2.23 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 5,83 | 0,06 | 7,12 | 0,07 | 1,29 |
| 2.24 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 1.285,81 | 13,07 | 1.285,81 | 13,07 | 0,00 |
| 2.25 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 75,52 | 0,77 | 75,52 | 0,77 | 0,00 |
| 2.26 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 3,55 | 0,04 | 3,55 | 0,04 | 0,00 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **39,19** | **0,40** | **39,19** | **0,40** | **0,00** |
| **4** | **Đất khu công nghệ cao** | **KCN** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| **5** | **Đất khu kinh tế** | **KKT** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| **6** | **Đất đô thị** | **KDT** | **1.026,45** | **10,44** | **1.026,45** | **10,44** | **0,00** |

### *3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp*

Quỹ đất nông nghiệp của huyện theo phương án kế hoạch sử dụng đất dự kiến phân bổ đến hết năm 2018 là 6.089,80 ha, giảm 167,87 ha so với hiện trạng năm 2017. Chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

*3.3.1.1. Đất trồng lúa*

Diện tích đất trồng lúa hiện trạng năm 2017 của huyện là 3.657,89 ha. Nhu cầu sử dụng đất năm 2018 như sau:

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 3.554,41 ha.

+ Diện tích giảm 103,48 ha do chuyển sang các mục đích như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đất nuôi trồng thủy sản | : | 14,05 ha. |
| - Đất cụm công nghiệp | : | 19,30 ha. |
| - Đất thương mại dịch vụ | : | 1,03 ha. |
| - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | : | 4,10 ha. |
| - Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | : | 19,64 ha. |
| - Đất ở tại nông thôn | : | 27,28 ha. |
| - Đất ở tại đô thị | : | 9,50 ha. |
| - Đất xây dựng trụ sở cơ quan | : | 0,57 ha. |
| - Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | : | 0,13 ha. |
| - Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | : | 6,34 ha. |
| - Đất sinh hoạt cộng đồng | : | 0,44 ha. |
| - Đất cơ sở tín ngưỡng | : | 1,10 ha. |

Đến năm 2018 diện tích đất trồng lúa của huyện là 3.554,41 ha, giảm 103,48 ha so với năm 2017.

*3.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác*

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác hiện trạng năm 2017 của huyện là 596,63 ha. Nhu cầu sử dụng đất năm 2018 như sau:

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 581,01 ha.

+ Diện tích giảm 15,62 ha do chuyển sang các mục đích như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đất nuôi trồng thủy sản | : | 1,00 ha. |
| - Đất thương mại dịch vụ | : | 1,36 ha. |
| - Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | : | 2,75 ha. |
| - Đất bãi thải, xử lý chất thải | : | 0,30 ha. |
| - Đất ở tại nông thôn | : | 4,67 ha. |
| - Đất ở tại đô thị | : | 1,05 ha. |
| - Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | : | 1,68 ha. |
| - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | : | 1,95 ha. |
| - Đất sinh hoạt cộng đồng | : | 0,03 ha. |
| - Đất cơ sở tín ngưỡng | : | 0,13 ha. |

Đến năm 2018 diện tích đất trồng lúa của huyện là 581,01 ha, giảm 15,62 ha so với năm 2017.

*3.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm*

Diện tích đất trồng cây lâu năm hiện trạng năm 2017 của huyện là 1113,16 ha. Nhu cầu sử dụng đất năm 2018 như sau:

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 1.105,25 ha.

+ Diện tích giảm 7,91 ha do chuyển sang các mục đích như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | : | 6,11 ha. |
| - Đất ở tại nông thôn | : | 1,50 ha. |
| - Đất ở tại đô thị | : | 0,20 ha. |
| - Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | : | 0,05 ha. |
| - Đất cơ sở tôn giáo | : | 0,05 ha. |
| - Đất cơ sở tín ngưỡng | : | 0,10 ha. |

Đến năm 2018 diện tích đất trồng lúa của huyện là 1.105,25 ha, giảm 7,91 ha so với năm 2017.

*3.3.1.4. Đất rừng sản xuất*

Diện tích đất rừng sản xuất hiện trạng năm 2017 của huyện là 264,69 ha. Nhu cầu sử dụng đất năm 2018 như sau:

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 214,88 ha.

+ Diện tích giảm 49,81 ha do chuyển sang các mục đích như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đất quốc phòng | : | 5,05 ha. |
| - Đất cụm công nghiệp | : | 39,56 ha. |
| - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | : | 5,20 ha. |

Đến năm 2018 diện tích đất rừng sản xuất của huyện là 214,88 ha, giảm 49,81 ha so với năm 2017.

*3.3.1.5. Đất nuôi trồng thuỷ sản*

Diện tích đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 603,02 ha, thực tăng 8,25 ha so với năm 2017. Trong đó:

- Tăng 15,05 ha để chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nuôi trồng thủy sản tại xã Bản Nguyên, xã Sơn Vi, thị trấn Lâm Thao. Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 14,05 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 1,00 ha.

- Giảm 7,35 ha do chuyển sang các mục đích sau:

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,1 ha.

+ Đất cụm công nghiệp: 0,20 ha.

+ Đất thương mại dịch vụ: 0,17 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3,00 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 1,24 ha.

+ Đất ở tại nông thôn: 2,59 ha.

+ Đất ở tại đô thị: 0,05 ha.

*3.3.1.6. Đất nông nghiệp khác*

Diện tích đất nông nghiệp khác theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 31,23 ha, tăng 0,70 ha so với năm 2017 để thực hiện các dự án:

- Dự án chăn nuôi lợn kết hợp trang trại tại địa bàn xã Cao Xá.

Lấy vào các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,70 ha.

### *3.3.2. Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp*

Diện tích đất phi nông nghiệp theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 3.706,47 ha, tăng 167,87 ha so với hiện trạng năm 2017. Chi tiết các loại đất trong đất phi nông nghiệp như sau:

*3.3.2.1. Đất quốc phòng*

Quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 23,28 ha, tăng 5,05 ha so với năm 2017 để thực hiện các dự án:

- Dự án Lữ đoàn 604, Quân khu 2.

- Dự án xây dựng Trường bắn, Thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện Lâm Thao.

Lấy vào các loại đất sau:

- Đất rừng sản xuất: 5,05 ha.

*3.3.2.2. Đất an ninh*

Diện tích đất an ninh của huyện theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 22,49 ha, không biến động so với năm 2017.

*3.3.2.3. Đất khu chế xuất*

Diện tích đất khu chế xuất của huyện theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 10,64 ha, không biến động so với năm 2017.

*3.3.2.4. Đất cụm công nghiệp*

Diện tích đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 71,56 ha, tăng 60,03 ha so với năm 2017 để thực hiện các dự án:

+ Dự án Cụm công nghiệp bắc Lâm Thao, xã Tiên Kiên.

+ Dự án Khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ Sơn Vi.

+ Dự án Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ, huyện Lâm Thao.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 19,30 ha.

+ Đất rừng sản xuất: 39,56 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,20 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,97 ha.

*3.3.2.5. Đất thương mại dịch vụ*

Quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 3,30 ha, tăng 2,14 ha so với năm 2017 để thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Tiên Kiên.

+ Xây dựng khu thương mại - dịch vụ tại thị trấn Lâm Thao.

+ Dự án xây dựng cây xăng và trạm dịch vụ tổng hợp tại địa bàn xã Kinh Kệ.

+ Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh dịch vụ thương mại, xã Cao Xá.

+ Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu và kinh doanh dịch vụ tổng hợp xã Sơn Dương.

+ Bến, bãi bốc xếp hàng hóa và kinh doanh vật liệu xây dựng xã Cao Xá.

+ Dự án đầu tư xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng các loại máy công trình xã Cao Xá.

+ Bãi chứa cát và vật liệu xây dựng xã Thạch Sơn.

Trong đó:

- Tăng 2,56 ha lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 1,03 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 1,36 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,17 ha.

- Giảm 0,42 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

*3.3.2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 129,71 ha, thực tăng 7,10 ha so với năm 2017 để thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng nhà máy gạch Tuynel tại xã Vĩnh Lại.

+ Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản kết hợp kinh doang dịch vụ (Hồ câu sinh thái) xã Xuân Lũng.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 4,10 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 3,00 ha.

- Giảm 0,42 ha do chuyển sang đất ở nông thôn.

*3.3.2.7. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 3,55 ha, không biến động so với năm 2017.

*3.3.2.8. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*

Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp huyện, cấp xã của huyện Lâm Thao theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 1.181,15 ha, thực tăng 27,78 ha so với hiện trạng năm 2017 để xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng như giao thông, văn hoá, giáo dục, năng lượng, chợ,...

Cụ thể các loại đất trong nhóm đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã như sau:

*\* Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Diện tích năm 2018 là 0,58 ha, tăng 0,30 ha so với năm 2017 lấy vào đất trồng lúa để xây dựng đài tưởng niệm liệt sỹ TT Hùng Sơn.

*\* Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:* Diện tích năm 2018 là 52,09 ha, thực tăng 2,19 ha. Trong đó:

- Tăng 2,41 ha để thực hiện các dự án:

+ Dự án mở rộng trường mầm non 1 và mầm non 2, xã Tứ Xã.

+ Dự án mở rộng trường tiểu học Tiên Kiên.

+ Dự án xây dựng trường mầm non bán trú 3 xã Cao Xá.

+ Mở rộng trường mầm non xã Hợp Hải.

+ Mở rộng trường tiểu học và THCS Cao Mại (sân hoạt động thể chất), TT Lâm Thao.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 1,35 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,28 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,15 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,63 ha.

- Giảm 0,22 ha do:

+ Chuyển sang đất thủy lợi 0,02 ha để xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu.

+ Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng 0,20 ha để xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư xã Xuân Lũng.

*\* Đất cơ sở thể dục - thể thao:* Diện tích năm 2018 là 16,47 ha, tăng 0,30 ha so với năm 2017 để thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng sân thể thao cộng đồng dân cư số 8, số 9, số 5, số 6 xã Sơn Vi.

Lấy vào các loại đất trồng lúa: 0,30 ha.

*\* Đất giao thông:* Diện tích năm 2018 là 722,21 ha, thực tăng 19,67 ha so với năm 2017. Cụ thể:

- Tăng 21,71 ha để thực hiện các dự án:

+ Dự án nâng cấp, cải tạo đường giao thông đoạn từ đường TL 324 đi xã Tứ Xã (TL 324B) .

+ Dự án: Nâng cấp đường trung tâm xã Hợp Hải đi xã Kinh Kệ.

+ Dự án xây dựng đường giao thông đoạn đấu nối cầu chui đến ngã tư ông Huy Đào.

+ Dự án : Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã đoạn từ cầu Bờ Sen đi xã Tứ Xã.

+ Dự án xử lý điểm đen giao thông tại Km11+900/QL32C, TT. Lâm Thao.

+ Dự án LRAMP.

+ Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã đoạn từ xã Vĩnh Lại đi xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao.

+ Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL32C đi TL 324 đoạn qua TT Lâm Thao.

+ Dự án mở rộng đường giao thông nội đồng kết hợp kênh tưới tiêu nội đồng các xã: Sơn Vi, Hợp Hải, Xuân Huy, Bản Nguyên, Tứ Xã, Vĩnh Lại.

+ Dự án mở rộng đường giao thông nông thôn xã Thạch Sơn.

+ Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp giao thông, thủy lợi nội đồng các xã: Cao Xá, Vĩnh Lại, Tứ Xã, Sơn Vi, Bản Nguyên, Sơn Dương, Kinh Kệ, Hợp Hải.

+ Dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn km64 - Km80,1 huyện Lâm Thao.

+ Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL32C đi Sơn Vi (đoạn từ xóm Thùy Nhật đến TT GDTX - Hướng Nghiệp và Công An huyện.

+ Dự án cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 324B từ Cao Xá đi Bản Nguyên.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 15,18 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 2,45 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 4,00 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,08 ha.

- Giảm 2,04 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất cụm công nghiệp: 0,43 ha.

+ Đất thủy lợi: 1,37 ha.

+ Đất ở tại nông thôn: 0,24 ha.

*\* Đất thủy lợi:* Diện tích năm 2018 là 377,42 ha, thực tăng 4,19 ha so với năm 2017. Trong đó:

- Tăng 5,17 ha để thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu, TT Lâm Thao.

+ Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống ruột tiêu ngòi Vĩnh Mộ, xã Cao Xá.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 1,71 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,02 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 1,68 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,06 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo: 0,02 ha.

+ Đất giao thông: 1,37 ha.

+ Đất ở tại đô thị: 0,27 ha.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,04 ha.

- Giảm 0,96 ha do:

+ Chuyển 0,54 ha sang đất cụm công nghiệp.

+ Chuyển 0,08 ha sang đất giao thông.

+ Chuyển 0,36 ha sang đất ở nông thôn.

*\* Đất công trình năng lượng:* Diện tích năm 2018 là 2,51 ha, tăng 1,08 ha so với năm 2017 để xây dựng các công trình:

+ Xây dựng các công trình điện và các công trình cải tạo các xã, thị trấn.

+ Xây dựng các công trình Đường dây và trạm biến áp.

+ Trạm biến áp 110 KV, xã Kinh Kệ.

+ Dự án chống quá tải trạm trung gian Vĩnh Mộ; các TBA Cao Xã, Sơn Dương, Sơn Vi, Hợp hải; Chống quá tải TBA Xuân Huy, Cao Xá, Sơn Dương.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 0,80 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,28 ha.

*\* Đất công trình bưu chính viễn thông:* Diện tích năm 2018 là 0,65 ha, tăng 0,05 ha so với năm 2017 để xây dựng công trình Xây dựng bưu điện văn hóa xã Tiên Kiên lấy vào đất sinh hoạt.

*\* Đất chợ*: Diện tích năm 2018 là 8,51 ha, tăng 5,91 ha không có biến động so với năm 2017.

*3.3.2.9. Đất có di tích lịch sử văn hóa*

Diện tích đất cho mục đích này năm 2018 là 9,09 ha, không có biến động so với năm 2017.

*3.3.2.10. Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Quỹ đất cho mục đích này năm 2018 là 1,79 ha, tăng 0,30 ha so với hiện trạng năm 2017 để xây dựng các dự án:

+ Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải TT Hùng Sơn.

+ Dự án bãi tập kết thu gom, xử lý rác thải tại xã Hợp Hải.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,30 ha.

*3.3.2.11. Đất ở tại nông thôn*

Diện tích cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 556,48 ha, tăng 37,39 ha so với năm 2017.

- Tăng 37,48 ha do bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới ở các xã. Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 27,28 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 4,67 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 1,50 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 2,59 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,60 ha.

+ Đất thương mại dịch vụ: 0,42 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 0,42 ha.

- Giảm 0,09 ha do chuyển sang đất cơ sở tôn giáo.

*3.3.2.12. Đất ở tại đô thị*

Diện tích quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 119,19 ha, thực tăng 10,53 ha so với năm 2017. Trong đó:

* Tăng 10,80 ha để đấu giá quyền sử dụng đất và chỉnh trang khu dân cư. Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 9,50 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 1,05 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,20 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,05 ha.

* Giảm 0,27 ha do:

+ Chuyển 0,27 ha sang đất thủy lợi để xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết họp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu.

*3.3.2.13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Diện tích quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 12,03 ha, tăng 0,57 ha so với năm 2017 để thực hiện các dự án:

- Trụ sở làm việc cho chi cục Thuế huyện Lâm Thao.

Lấy vào các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 0,57 ha.

*3.3.2.14. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Diện tích quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 0,18 ha, tăng 0,18 ha so với năm 2017 để xây dựng dự án:

+ Xây dựng trụ sở HTX nông nghiệp xã Hợp Hải.

+ Dự án xây dựng quỹ tín dụng thị trấn Hùng Sơn.

Lấy vào các loại đất:

+ Đất trồng lúa: 0,13 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,05 ha.

*3.3.2.15. Đất cơ sở tôn giáo*

Diện tích quỹ đất này năm 2018 là 16,42 ha, tăng 0,17 ha so với năm 2017 để xây dựng các công trình:

+ Nhà thờ họ giáo Bản Nguyên.

+ Mở rộng chùa Phúc Trung tại xã Tứ Xã.

Lấy vào các loại đất:

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,05 ha.

+ Đất ở tại nông thôn: 0,09 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,03 ha.

*3.3.2.16. Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Diện tích đất cho mục đích này năm 2018 là 85,28 ha, thực tăng 13,22 ha so với năm 2017. Trong đó:

- Tăng 13,22 ha để thực hiện các dự án:

+ Mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Bản Nguyên.

+ Dự án mở rộng, mở mới nghĩa trang, nghĩa địa các xã: Xuân Huy, Kinh Kệ, Vĩnh Lại, Sơn Dương, Xuân Lũng, Tiên Kiên.

+ Dự án mở rộng nghĩa trang nhân dân tại các xã Tứ Xã, thị trấn Lâm Thao, Vĩnh Lại và xã Hơp Hải.

+ Dự án mở rộng nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trạng nhãn dân tại địa bàn xã Sơn Vi và xã Bản Nguyên.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 6,34 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 1,68 ha.

+ Đất rừng sản xuất: 5,20 ha.

*3.3.2.17. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Diện tích quỹ đất này năm 2018 là 74,00 ha, tăng 1,95 ha so với năm 2017. Trong đó:

* Tăng 1,95 ha để thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng tại địa bàn xã Vĩnh Lại.

+ Dự án đầu tư xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng các loại máy công trình tại địa bàn xã Cao Xá.

+ Bãi chứa cát và vật liệu xây dựng tại khu 8 xã Thạch Sơn.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 1,95 ha.

*3.3.2.18. Đất sinh hoạt cộng đồng*

Quỹ đất cho mục đích này năm.2018 là 13,62 ha, tăng 0,59 ha so với năm 2017. Trong đó:

- Tăng 0,67 ha để thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư các xã: Sơn Vi, Tứ Xã, Bản Nguyên, Xuân Lũng.

Lấy vào các loại đất:

+ Đất trồng lúa: 0,44 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,03 ha.

+ Đất giáo dục và đào tạo: 0,20 ha.

* Giảm 0,08 ha do:

+ Chuyển 0,05 ha sang đất công trinh bưu chính, viễn thông.

+ Chuyển 0,03 ha sang đất cơ sở tôn giáo.

*3.3.2.19. Đất khu vui chơi giải trí công cộng*

Quỹ đất cho mục đích này năm 2018 là 0,71 ha, không biến động so với năm 2017.

*3.3.2.20. Đất cơ sở tín ngưỡng*

Quỹ đất cho mục đích này năm 2018 là 7,12 ha, thực tăng 1,29 ha so với năm 2017. Trong đó:

* Tăng 1,33 ha để xây dựng các dự án:

+ Bổ sung diện tích mở rộng Đền Xa Lộc tại xã Tứ Xã.

+ Xây dựng Đình làng Bồng Lạng, xã Hợp Hải.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 1,10 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,13 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,10 ha.

* Giảm 0,04 ha do chuyển sang đất thủy lợi để xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Đền Hùng đi cầu Phong Châu.

*3.3.2.21. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Quỹ đất cho mục đích này năm 2018 là 1.285,81 ha, không có biến động so với năm 2017.

*3.3.2.22. Đất có mặt nước chuyên dùng*

Quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 75,52 ha, không biến động so với năm 2017.

*3.3.2.23. Đất phi nông nghiệp khác*

Quỹ đất cho mục đích này theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 3,55 ha, không biến động so với năm 2017.

### *3.3.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng*

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2018 là 39,19 ha, không biến động so với năm 2017.

### *3.3.4. Kế hoạch sử dụng đất đô thị*

Diện tích đất đô thị của huyện Lâm Thao đến năm 2018 là 1.026,45 ha, bao gồm toàn bộ ranh giới thị trấn Lâm Thao và thị trấn Hùng Sơn, không biến động so với năm 2017.

## 3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018, các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 167,87 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 89,43 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 14,02 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 7,91 ha.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 49,81 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 6,70 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp với tổng diện tích 15,05 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 14,05 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 1,00 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 1,44 ha.

*(Chi tiết tại Biểu 07/CH. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018*

*huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ)*

## 3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018, diện tích các loại đất cần thu hồi với tổng diện tích 156,64 ha. Trong đó:

* Thu hồi đất nông nghiệp với tổng diện tích 152,08 ha. Cụ thể:

+ Đất trồng lúa: 82,27 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 9,91 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 6,21 ha.

+ Đất rừng sản xuất: 49,81 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 2,88 ha.

- Thu hồi đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 4,56 ha. Cụ thể:

+ Đất thương mại dịch vụ: 0,42 ha.

+ Đất sản xuất phi nông nghiệp: 0,42 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 3,24 ha.

+ Đất ở nông thôn: 0,09 ha.

+ Đất ở tại đô thị: 0,27 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,08 ha.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,04 ha.

*(Chi tiết tại Biểu 08/CH. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ)*

## 3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

*Chi tiết danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 được thể hiện tại Biểu 10/CH.*

## 3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

***3.7.1. Phương pháp tính toán***

*\* Đối với các khoản thu:*

- Tiền sử dụng đất ở nông thôn, đô thị.

- Tiền thu đất: Đất sản xuất phi nông nghiệp, đất thương mại dịch vụ.

*\* Đối với các khoản chi:*

- Chi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được duyệt.

- Chi phí xây dựng hạ tầng theo quy hoạch, lập quy hoạch chi tiết,...

- Chi phí trồng rừng thay thế.

- Chi phí khác: In ấn, foto tài liệu,…

- Chi phí cải tạo lớp đất mặt đất trồng lúa;

- Kinh phí lập bản vẽ thu hồi đất, giao đất.

*\* Về giá các loại đất:*

Thực hiện theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về bảng giá đất 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể của UBND tỉnh.

*\* Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất*:

Thực hiện theo:

- Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/09/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường về vật kiến trúc, cây cối khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14/09/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và đơn giá bồi thường về vật kiến trúc, cây cối khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

***3.7.2. Kết quả tính toán***

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyện trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2017 là 62,61 tỷ đồng.

**Bảng 05: Dự kiến các khoản thu chi trong kỳ kế hoạch**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn giá (đồng/m2)** | **Diện tích (ha)** | **Thành tiền (Tỷ đồng)** |
| **I** | **Các khoản thu** |  |  | **267,34** |
| 1 | Thu tiền khi giao đất ở đô thị | 500.000 | 4,10 | 20,50 |
| 2 | Thu tiền khi đấu giá đất ở đô thị | 1.000.000 | 6,70 | 67,00 |
| 3 | Thu tiền khi giao đất ở nông thôn | 300.000 | 25,36 | 76,08 |
| 4 | Thu tiền khi đấu giá đất ở nông thôn | 700.000 | 12,12 | 84,84 |
| 5 | Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ | 240.000 | 2,56 | 6,14 |
| 6 | Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp | 180.000 | 7,10 | 12,78 |
| **II** | **Các khoản chi** |  |  | **204,73** |
| **A** | **Chi bồi thường khi thu hồi đất** |  |  |  |
| 1 | Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa | 30.000 | 82,23 | 24,67 |
| 2 | Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác | 25.000 | 8,83 | 2,21 |
| 3 | Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản | 25.000 | 2,88 | 0,72 |
| 4 | Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm | 40.000 | 5,30 | 2,12 |
| 5 | Chi bồi thường khi thu hồi đất lâm nghiệp | 10.000 | 49,81 | 4,98 |
| 6 | Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị | 500.000 | 0,27 | 1,35 |
| 7 | Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn | 300.000 | 0,09 | 0,27 |
| 8 | Chi bồi thường khi thu hồi đất cơ sở sản xuất kinh doanh | 180.000 | 0,00 | 0,00 |
| **B** | **Chi hỗ trợ chuyển đổi nghề** |  |  |  |
| 1 | Chi hỗ trợ chuyển đổi khi thu hồi đất trồng lúa | 61.000 | 82,23 | 50,16 |
| 2 | Chi hỗ trợ chuyển đổi khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác | 40.000 | 8,83 | 3,53 |
| 3 | Chi hỗ trợ chuyển đổi khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản | 35.000 | 2,88 | 1,01 |
| 4 | Chi hỗ trợ chuyển đổi khi thu hồi đất trồng cây lâu năm | 39.000 | 5,30 | 2,07 |
| 5 | Chi hỗ trợ chuyển đổi khi thu hồi đất lâm nghiệp | 15.000 | 49,81 | 7,47 |
| ***C*** | ***Các khoản chi bồi thường về cây cối hoa màu*** |  |  |  |
| 1 | Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm (sản lượng 4 tấn/ha) | 6000 | 364,24 | 2,19 |
| 2 | Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm (sản lượng 4 tấn/ha) hỗ trợ 02 năm | 4000 | 42,4 | 0,17 |
| 3 | Chi bồi thường khi thu hồi đất lâm nghiệp (mật độ cây lấy gỗ 2.000 cây/ha) | 1000 | 99620 | 99,62 |
| 4 | Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản (công đào đắp thủ công 50.000 đ/m3) | 10000 | 3,86 | 0,39 |
| ***D*** | ***Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng*** |  |  | 1,82 |
| **Cân đối thu - chi (I - II)** | |  |  | **62,61** |

# IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 UBND huyện đã đưa ra một số giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất cụ thể như sau:

- Ngay sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Lâm Thao được phê duyệt. UBND huyện tổ chức công khai, công bố kế hoạch sử dụng đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và phổ biến cụ thể đến từng đơn vị cấp xã, thị trấn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về đất đai đến từng người dân; Thực hiện cải cách các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa liên thông”, giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến các xã, thị trấn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ; Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất.

- Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển, tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng đạt hiệu quả cao. Vận động người dân tích cực tham gia hiến đất phục vụ các công trình công cộng, các công trình phúc lợi.

- Thực hiện chỉnh lý biến động đất đai phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

- Chỉ đạo đẩy nhanh công tác hoàn thiện hồ sơ thủ tục về đất đai đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp huyện giải quyết.

- Đối với những dự án phức tạp UBND huyện đề UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành có liên quan chỉ đạo giúp đỡ UBND huyện sớm hoàn thành như kế hoạch đã đề ra.

- Áp dụng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả; Kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật Đất đai 2013.

Với những giải pháp đưa ra nêu trên chắc chắc rằng năm 2018 một số chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất của huyện Lâm Thao sẽ triển khai thực hiện và đạt kết quả cao.

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

## I. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng, là cơ sở khoa học và pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm. Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã thực hiện đầy đủ tính chất này.

- Nội dung kế hoạch được xây dựng đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật đất đai.

- Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của các ngành, các xã trong huyện, dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND huyện. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ.

- Kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục dích sử dụng đất thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

Việc phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất được tính toán đáp ứng nhu cầu sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, theo định mức sử dụng đất,… khai thác vị trí thuận lợi và những ưu thế của huyện.

## II. Kiến nghị

- Đề nghị UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ, phân bổ nguồn vốn cho UBND huyện thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt. Đặc biệt là nguồn vốn từ đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất.

- Đề nghị các sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn UBND huyện trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Thao trình Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ xét duyệt để làm cơ sở thống nhất cho công tác quản lý, sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất trên địa bàn huyện./.

**MỤC LỤC**

[ĐẶT VẤN ĐỀ 1](#_Toc500752309)

[1. Sự cần thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất 1](#_Toc500752310)

[2. Cơ sở của công tác lập kế hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao 2](#_Toc500752311)

[2.1. Căn cứ pháp lý của công tác kế hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao 2](#_Toc500752312)

[2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ 3](#_Toc500752313)

[I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 4](#_Toc500752314)

[1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên 4](#_Toc500752315)

[1.1.1. Điều kiện tự nhiên 4](#_Toc500752316)

[1.1.2. Các nguồn tài nguyên 5](#_Toc500752317)

[1.2. Thực trạng phát triển kinh tế xã hội 5](#_Toc500752318)

[1.2.1. Về kinh tế 5](#_Toc500752319)

[1.2.2. Về văn hóa - xã hội 7](#_Toc500752320)

[II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 8](#_Toc500752321)

[2.1. Hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2017 8](#_Toc500752322)

[2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 9](#_Toc500752323)

[2.2.1. Đánh giá kết quả việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 10](#_Toc500752324)

[2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017 15](#_Toc500752325)

[2.2.3. Đánh giá những mặt được, chưa được và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 32](#_Toc500752326)

[III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 33](#_Toc500752327)

[3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 33](#_Toc500752328)

[3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực 33](#_Toc500752329)

[3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất 44](#_Toc500752330)

[3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp 45](#_Toc500752331)

[3.3.2. Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp 48](#_Toc500752332)

[3.3.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 50](#_Toc500752333)

[3.3.4. Kế hoạch sử dụng đất đô thị 50](#_Toc500752334)

[3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích 50](#_Toc500752335)

[3.5. Diện tích đất cần thu hồi 50](#_Toc500752336)

[3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 50](#_Toc500752337)

[3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 50](#_Toc500752338)

[3.7.1. Phương pháp tính toán 50](#_Toc500752339)

[3.7.2. Kết quả tính toán 50](#_Toc500752340)

[IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 50](#_Toc500752341)

[KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 50](#_Toc500752342)

[I. Kết luận 50](#_Toc500752343)

[II. Kiến nghị 50](#_Toc500752344)